

**PHỤ LỤC I**  
**BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH**  
**THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2024**  
*(Kèm theo Công văn số: 6.000... /ĐHK&QTKD-DT ngày 28/4/2025)*

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>		<b>555</b>	<b>206</b>	<b>37.11</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>		<b>45</b>	<b>13</b>	<b>28.88</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>		<b>45</b>	<b>13</b>	<b>28.88</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>15</b>	<b>9</b>	<b>60</b>
1.1.1.1	Quản lý kinh tế	9310110	15	9	60
<b>1.1.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>25</b>	<b>2</b>	<b>8</b>
1.1.2.1	Quản trị kinh doanh	9340101	25	2	8
<b>1.1.3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	<b>40</b>
1.1.3.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	5	2	40
<b>1.2</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>		<b>510</b>	<b>193</b>	<b>37.84</b>
<b>2.1</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>		<b>510</b>	<b>193</b>	<b>37.84</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>320</b>	<b>151</b>	<b>47.18</b>
2.1.1.1	Kinh tế phát triển	8310105	30	1	3.33
2.1.1.2	Quản lý kinh tế	8310110	290	150	51.72
<b>2.1.2</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>180</b>	<b>41</b>	<b>22.77</b>
2.1.2.1	Quản trị kinh doanh	8340101	150	22	14.66
2.1.2.2	Kế toán	8340301	30	19	63.33
<b>2.1.3</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>		<b>10</b>	<b>1</b>	<b>10</b>
2.1.3.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	10	1	10
<b>2.2</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>		<b>3620</b>	<b>2206</b>	<b>60.93</b>
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>		<b>3108</b>	<b>2082</b>	<b>66.98</b>
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>		<b>2650</b>	<b>1899</b>	<b>71.66</b>
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		-	-	-
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		2650	1899	71.66
3.1.2.1	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>230</b>	<b>148</b>	<b>64.34</b>
3.1.2.1.1	Kinh tế	7310101	100	76	76
3.1.2.1.2	Kinh tế đầu tư	7310104	80	53	66.25
3.1.2.1.3	Kinh tế phát triển	7310105	50	19	38
3.1.2.2	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>150</b>	<b>175</b>	<b>116.66</b>
3.1.2.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	150	175	116.66
3.1.2.3	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>1620</b>	<b>1296</b>	<b>80</b>
3.1.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	330	275	83.33
3.1.2.3.2	Marketing	7340115	250	286	114.4
3.1.2.3.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	80	23	28.75
3.1.2.3.4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	230	203	88.26
3.1.2.3.5	Kế toán	7340301	600	340	56.66
3.1.2.3.6	Quản lý công	7340403	80	9	11.25
3.1.2.3.7	Quản trị nhân lực	7340404	50	160	320
3.1.2.4	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>100</b>	<b>101</b>	<b>101</b>
3.1.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	100	101	101
3.1.2.5	<b>Pháp luật</b>		<b>550</b>	<b>179</b>	<b>32.54</b>
3.1.2.5.1	Luật kinh tế	7380107	550	179	32.54

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
<b>3.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>		<b>117</b>	<b>28</b>	<b>23.93</b>
<b>3.2.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.1.1	Kinh tế	7310101	6	0	0
<b>3.2.2</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	10	0	0
<b>3.2.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>75</b>	<b>17</b>	<b>22.66</b>
3.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	10	0	0
3.2.3.2	Marketing	7340115	10	0	0
3.2.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	10	2	20
3.2.3.4	Kế toán	7340301	40	15	37.5
3.2.3.5	Quản lý công	7340403	5	0	0
<b>3.2.4</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	6	0	0
<b>3.2.5</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>20</b>	<b>11</b>	<b>55</b>
3.2.5.1	Luật kinh tế	7380107	20	11	55
<b>3.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>		<b>152</b>	<b>63</b>	<b>41.44</b>
<b>3.3.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.1.1	Kinh tế	7310101	6	0	0
<b>3.3.2</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	10	0	0
<b>3.3.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>99</b>	<b>45</b>	<b>45.45</b>
3.3.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	27	2	7.4
3.3.3.2	Marketing	7340115	10	0	0
3.3.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	16	1	6.25
3.3.3.4	Kế toán	7340301	40	42	105
3.3.3.5	Quản lý công	7340403	6	0	0
<b>3.3.4</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>7</b>	<b>1</b>	<b>14.28</b>
3.3.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	7	1	14.28
<b>3.3.5</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>30</b>	<b>17</b>	<b>56.66</b>
3.3.5.1	Luật kinh tế	7380107	30	17	56.66
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		<b>189</b>	<b>92</b>	<b>48.67</b>
<b>3.4.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.1.1	Kinh tế	7310101	8	0	0
<b>3.4.2</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	10	0	0
<b>3.4.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>104</b>	<b>35</b>	<b>33.65</b>
3.4.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	29	1	3.44
3.4.3.2	Marketing	7340115	10	0	0
3.4.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	20	3	15
3.4.3.4	Kế toán	7340301	40	31	77.5
3.4.3.5	Quản lý công	7340403	5	0	0
<b>3.4.4</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	7	0	0
<b>3.4.5</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>60</b>	<b>57</b>	<b>95</b>
3.4.5.1	Luật kinh tế	7380107	60	57	95
<b>3.5</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>		<b>512</b>	<b>124</b>	<b>24.21</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>		<b>124</b>	<b>8</b>	<b>6.45</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.1.1	Kinh tế	7310101	12	0	0

*Ray*

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
<b>4.1.2</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	6	0	0
<b>4.1.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>64</b>	<b>2</b>	<b>3.12</b>
4.1.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	10	0	0
4.1.3.2	Marketing	7340115	5	0	0
4.1.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	10	0	0
4.1.3.4	Kế toán	7340301	30	2	6.66
4.1.3.5	Quản lý công	7340403	9	0	0
<b>4.1.4</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.1.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	12	0	0
<b>4.1.5</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>30</b>	<b>6</b>	<b>20</b>
4.1.5.1	Luật kinh tế	7380107	30	6	20
<b>4.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>		<b>60</b>	<b>30</b>	<b>50</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.1.1	Kinh tế	7310101	3	0	0
<b>4.2.2</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	4	0	0
<b>4.2.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>30</b>	<b>7</b>	<b>23.33</b>
4.2.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	5	0	0
4.2.3.2	Marketing	7340115	7	0	0
4.2.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	5	0	0
4.2.3.4	Kế toán	7340301	10	7	70
4.2.3.5	Quản lý công	7340403	3	0	0
<b>4.2.4</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.2.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	3	0	0
<b>4.2.5</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>20</b>	<b>23</b>	<b>115</b>
4.2.5.1	Luật kinh tế	7380107	20	23	115
<b>4.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>		<b>74</b>	<b>28</b>	<b>37.83</b>
<b>4.3.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.1.1	Kinh tế	7310101	3	0	0
<b>4.3.2</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	5	0	0
<b>4.3.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>50</b>	<b>14</b>	<b>28</b>
4.3.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	5	0	0
4.3.3.2	Marketing	7340115	8	0	0
4.3.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	9	0	0
4.3.3.4	Kế toán	7340301	26	14	53.84
4.3.3.5	Quản lý công	7340403	2	0	0
<b>4.3.4</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.3.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	3	0	0
<b>4.3.5</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>13</b>	<b>14</b>	<b>107.69</b>
4.3.5.1	Luật kinh tế	7380107	13	14	107.69
<b>4.4</b>	<b>Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>		<b>254</b>	<b>58</b>	<b>22.83</b>
<b>4.4.1</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>		<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.4.1.1	Kinh tế	7310101	12	0	0
<b>4.4.2</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>		<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.4.2.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	15	0	0
<b>4.4.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>		<b>149</b>	<b>2</b>	<b>1.34</b>
4.4.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	30	0	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
4.4.3.2	Marketing	7340115	10	0	0
4.4.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	27	0	0
4.4.3.4	Kế toán	7340301	72	2	2.77
4.4.3.5	Quản lý công	7340403	10	0	0
<b>4.4.4</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>		<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4.4.4.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	12	0	0
<b>4.4.5</b>	<b>Pháp luật</b>		<b>66</b>	<b>56</b>	<b>84.84</b>
4.4.5.1	Luật kinh tế	7380107	66	56	84.84

*Ray*

**PHỤ LỤC II**  
**CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2025**  
 (Kèm theo Công văn số: 600.../ĐHK&QTKD-DT ngày 28/4/2025)

1. Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
1	Kinh tế	7310101	136/QĐ-TTg	02/08/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2023	833/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
2	Kinh tế đầu tư	7310104	477/QĐ-DHTN	19/03/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2023	-	-	-
3	Kinh tế phát triển	7310105	478/QĐ-DHTN	19/03/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2023	-	-	-
4	Quản trị kinh doanh	7340101	136/QĐ-TTg	02/08/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2023	830/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
5	Marketing	7340115	789/QĐ-DHTN-ĐT	21/11/2006	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2007	2023	831/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	1537/QĐ-DHTN	03/08/2020	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2023	-	-	-
7	Thương mại điện tử	7340122	1257/QĐ-DHTN	24/03/2025	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2025	2025	-	-	-
8	Tài chính - Ngân hàng	7340201	107/QĐ-DHTN-ĐT	19/02/2008	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2023	829/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
9	Kế toán	7340301	136/QĐ-TTg	02/08/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2005	2023	834/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
10	Quản lý công	7340403	479/QĐ-DHTN	19/03/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2023	-	-	-
11	Quản trị nhân lực	7340404	986/QĐ-DHTN	08/03/2024	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2024	-	-	-
12	Luật kinh tế	7380107	437/QĐ-DHTN	02/05/2013	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2013	2023	832/QĐ-DHTN	03/03/2025	2025
13	Khoa học dữ liệu	7460108	1256/QĐ-DHTN	24/03/2025	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2025	2025	-	-	-
14	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	372/QĐ-DHTN	14/03/2019	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2023	-	-	-
15	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	107/QĐ-DHTN-ĐT	19/02/2008	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2023	-	-	-
16	Kinh tế phát triển	8310105	2445/QĐ-DHTN	26/11/2020	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2020	2023	-	-	-
17	Quản lý kinh tế	8310110	813/QĐ-DHTN-SDH	26/06/2009	740/QĐ-BGDDT	09/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2009	2023	-	-	-
18	Quản trị kinh doanh	8340101	790/QĐ-DHTN	05/08/2011	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2011	2023	-	-	-
19	Kế toán	8340301	2123/QĐ-DHTN	10/10/2018	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2023	-	-	-
20	Kinh tế nông nghiệp	8620115	617/QĐ-ĐTCH	27/09/2004	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2004	2021	-	-	-
21	Quản lý kinh tế	9310110	5000/QĐ-BGDDT	25/10/2013	740/QĐ-BGDDT	09/03/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2014	2023	-	-	-
22	Quản trị kinh doanh	9340101	5577/QĐ-DHTN	24/11/2023	-	-	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2024	2024	-	-	-
23	Kinh tế nông nghiệp	9620115	2867/QĐ-BGDDT	22/05/2008	2570/QĐ-DHTN	28/11/2017	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2022	-	-	-

2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

2.1. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ/ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
1	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/1989	Nam	01/09/2011	01/09/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
2	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984	Nam	01/01/2010	01/01/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
3	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7380107	Luật kinh tế	8
4	Nguyễn Thị Như Quỳnh	19/07/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7380107	Luật kinh tế	8
5	Bùi Minh Tân	05/01/1988	Nữ	05/04/2016	05/04/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7380107	Luật kinh tế	8
6	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984	Nam	30/05/2010	30/05/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế	7340115	Marketing	8
7	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế đầu tư	7310101	Kinh tế	8
8	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984	Nữ	01/09/2007	01/09/2007		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị công	7340301	Kế toán	8
9	Trần Huy Ngọc	25/10/1987	Nam	01/04/2010	01/04/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chính trị học	7380107	Luật kinh tế	8
10	Nguyễn Thị Lan Hương	18/06/1983	Nữ	01/02/2006	01/02/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
11	Hoàng Thị Thu Hằng	24/01/1983	Nữ	01/04/2009	01/04/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7340115	Marketing	8
12	Nguyễn Thị Thanh Quý	23/08/1991	Nữ	20/01/2014	20/01/2014		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	7340115	Marketing	8
13	Trần Nguyễn Bình	19/08/1984	Nam	01/12/2006	01/12/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7380107	Luật kinh tế	8
14	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987	Nữ	01/10/2010	01/10/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
15	Trình Thị Thu Trang	29/04/1989	Nữ	01/01/2014	01/01/2014		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
16	Phạm Thùy Linh	04/01/1987	Nữ	01/06/2010	01/06/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
17	Dương Thị Tĩnh	03/10/1978	Nữ	01/08/2005	01/08/2005		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế & QL thương mại	7340115	Marketing	8
18	Vũ Thị Hậu	08/01/1977	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế công nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
19	Nguyễn Thị Lương Anh	18/10/1990	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
20	Trần Tuấn Anh	26/04/1986	Nam	01/01/2010	01/01/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
21	Hoàng Văn Hải	28/03/1979	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
22	Nguyễn Thị Kim Anh	17/09/1973	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích	7340301	Kế toán	8
23	Nguyễn Thành Công	02/09/1984	Nam	01/11/2006	01/11/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khoa học quản lý và công trình	7380107	Luật kinh tế	8
24	Đỗ Thị Thủy Phương	04/02/1974	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
25	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Thương mại	7340101	Quản trị kinh doanh	8
26	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
27	Thăng Thị Hồng Nhung	06/09/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán	8
28	Nguyễn Văn Công	29/06/1973	Nam	01/04/2006	01/04/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7310101	Kinh tế	8
29	Dương Thị Thủy Hương	07/05/1984	Nữ	31/10/2006	31/10/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
30	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982	Nữ	01/04/2005	01/04/2005		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
31	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
32	Đào Thị Tấn	19/09/1984	Nữ	01/07/2008	01/07/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7380107	Luật kinh tế	8
33	Nguyễn Thị Thu Hà	18/10/1989	Nữ	30/06/2016	30/06/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
34	Lưu Thị Phương Thảo	22/05/1986	Nữ	07/07/2016	07/07/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7380107	Luật kinh tế	8
35	Hoàng Thị Nguyệt	09/02/1988	Nữ	22/12/2016	22/12/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
36	Nguyễn Văn Anh	09/10/1978	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
37	Vũ Đức Hà	10/10/1988	Nữ	31/08/2011	31/08/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
38	Nguyễn Việt Phương	08/10/1985	Nam	01/11/2009	01/11/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán giải tích	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
39	Đặng Tất Thắng	05/07/1980	Nam	25/02/2008	25/02/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7380107	Luật kinh tế	8
40	Trần Thị Tiếp	22/06/1985	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7340101	Quản trị kinh doanh	8
41	Hoàng Hà	07/09/1974	Nữ	31/12/2013	31/12/2013		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
42	Đinh Thị Tuyết	16/07/1988	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	7340301	Kế toán	8
43	Giang Thị Trang	25/10/1990	Nữ	01/01/2022	01/01/2022	01/01/2026	HĐLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý hoạt động và Kinh doanh	7340301	Kế toán	8
44	Bach Thị Huyền	22/05/1988	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
45	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983	Nữ	01/07/2008	01/07/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
46	Nguyễn Đức Dũng	31/08/1982	Nam	14/01/2007	14/01/2007		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
47	Hoàng Chi Thanh	05/07/1984	Nam	25/08/2015	25/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7340101	Quản trị kinh doanh	8
48	Nguyễn Thị Hoài Thu	20/10/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán, Kiểm toán và phân tích	7340301	Kế toán	8
49	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
50	Trần Thị Bích Thủy	12/02/1979	Nữ	23/02/2011	23/02/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7380107	Luật kinh tế	8
51	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985	Nữ	01/07/2009	01/07/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
52	Nguyễn Thị Hương	05/11/1990	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
53	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
54	Nguyễn Tiên Long	02/11/1976	Nam	01/09/2004	01/09/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế đối ngoại	7310101	Kinh tế	8
55	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983	Nữ	01/11/2006	01/11/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
56	Đỗ Thanh Phúc	09/02/1986	Nữ	01/01/2009	01/01/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
57	Nguyễn Đức Thu	08/06/1966	Nam	01/04/2008	01/04/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
58	Hoàng Mai Phương	20/03/1989	Nữ	01/02/2025	01/02/2025		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
59	Nguyễn Thu Hằng	27/01/1991	Nữ	04/11/2016	04/11/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
60	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/10/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
61	Nguyễn Như Quỳnh	14/09/1988	Nữ	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	7310101	Kinh tế	8
62	Nguyễn Tiên Phong	05/12/1966	Nam	01/03/2007	01/03/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
63	Trần Thị Mai Linh	02/11/1990	Nữ	20/12/2016	20/12/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
64	Phạm Minh Hương	23/08/1986	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý du lịch bền vững	7340115	Marketing	8
65	Phạm Thị Ngân	19/08/1987	Nữ	05/05/2011	05/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	7380107	Luật kinh tế	8
66	Nguyễn Thị Hương	10/07/1987	Nữ	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2027	HDLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7310101	Kinh tế	8
67	Cao Thị Phương Thảo	20/05/1990	Nữ	29/01/2013	29/01/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Ngữ văn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
68	Phạm Lê Văn	15/06/1985	Nam	01/03/2008	01/03/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị & quản lý vận hành	7340101	Quản trị kinh doanh	8
69	Dương Thị Hương Liên	24/04/1984	Nữ	01/02/2006	01/02/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
70	Dương Thanh Tinh	17/11/1976	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
71	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
72	Kiều Thị Khánh	18/03/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý hoạt động & KD	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
73	Đỗ Đình Long	14/05/1976	Nam	15/08/2004	15/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
74	Chu Thị Kim Ngân	29/07/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
75	Trần Quang Huy	15/04/1962	Nam	01/03/2025	01/03/2025	29/02/2028	HDLĐ xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
76	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985	Nữ	01/04/2014	01/04/2014		HDLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	7310101	Kinh tế	8
77	Mã Thị Huyền Nga	15/12/1989	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
78	Trần Thị Thủy Linh	28/06/1989	Nữ	01/01/2013	01/01/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
79	Đào Thúy Hằng	25/10/1983	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
80	Cù Phúc Thành	21/05/1967	Nam	28/11/2011	28/11/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
81	Nguyễn Thu Hà	18/07/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
82	Lê Thu Hà	03/11/1982	Nữ	01/06/2012	01/06/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Khoa học máy tính	7310101	Kinh tế	8
83	Nguyễn Thị Hồng Yến	25/06/1982	Nữ	01/01/2007	01/01/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340301	Kế toán	8
84	La Quý Dương	04/01/1986	Nam	01/01/2011	01/01/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
85	Ngô Thị Nhung	06/06/1986	Nữ	01/08/2007	01/08/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
86	Hoàng Thanh Hải	03/09/1988	Nữ	01/11/2012	01/11/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Thống kê	7340115	Marketing	8
87	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/08/1983	Nữ	01/11/2006	01/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế học	7340115	Marketing	8
88	Trần Thanh Tùng	20/07/1970	Nam	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
89	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/07/1984	Nữ	01/05/2009	01/05/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
90	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981	Nữ	01/10/2014	01/10/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7310101	Kinh tế	8
91	Trần Thị Nhung	16/10/1985	Nữ	31/12/2012	31/12/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
92	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/09/1989	Nữ	07/06/2013	07/06/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
93	Đào Thị Hương	27/10/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
94	Trần Thanh Hải	19/08/1992	Nữ	25/07/2016	25/07/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
95	Nguyễn Hồng Hải	25/11/1980	Nữ	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
96	Trần Xuân Kiên	21/09/1981	Nam	01/05/2005	01/05/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
97	Đàm Phương Lan	05/11/1978	Nữ	01/08/2014	01/08/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
98	Hà Thị Thanh Hoa	14/05/1980	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
99	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984	Nam	01/04/2010	01/04/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
100	Vũ Bạch Diệp	04/05/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
101	Nông Thị Dung	16/01/1981	Nữ	01/06/2007	01/06/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
102	Nguyễn Văn Thanh	01/10/1984	Nam	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7380107	Luật kinh tế	8
103	Chu Thị Thúc	15/12/1987	Nữ	30/06/2018	30/06/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
104	Phạm Thị Linh	19/10/1985	Nữ	01/02/2010	01/02/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán ứng dụng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
105	Bùi Thị Trà Ly	12/12/1986	Nữ	07/07/2016	07/07/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
106	Trần Thị Mai	26/08/1979	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Giải tích Toán học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
107	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981	Nữ	01/06/2007	01/06/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
108	Lê Thị Thu Phương	26/01/1983	Nữ	01/09/2016	01/09/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
109	Đình Trọng Ấn	30/11/1986	Nam	25/08/2015	25/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	7340101	Quản trị kinh doanh	8
110	Nguyễn Văn Huy	21/07/1983	Nam	01/01/2007	01/01/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý du lịch	7340115	Marketing	8
111	Lê Thị Thu Huyền	10/10/1985	Nữ	01/09/2007	01/09/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7340115	Marketing	8
112	Phạm Thị Hồng Nhung	28/01/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	7340115	Marketing	8
113	Đặng Trung Kiên	05/07/1989	Nam	01/01/2022	01/01/2022	01/01/2026	HDLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh và du lịch	7340101	Quản trị kinh doanh	8
114	Nguyễn Thị Thu Trang	04/11/1983	Nữ	01/07/2010	01/07/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
115	Nguyễn Văn Hùng	04/11/1984	Nam	01/06/2010	01/06/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
116	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/10/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Sư phạm Toán học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
117	Trần Thị Ngọc Linh	08/06/1983	Nữ	30/11/2006	30/11/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
118	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	Nữ	01/11/2004	01/11/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
119	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/03/1975	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
120	Bùi Thị Minh Hằng	18/05/1982	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
121	Nông Thị Minh Ngọc	11/02/1989	Nữ	11/02/2015	11/02/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
122	Đỗ Trọng Nghĩa	24/11/1989	Nam	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
123	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1988	Nữ	01/10/2011	01/10/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
124	Ta Thị Thanh Huyền	15/06/1978	Nữ	01/12/2004	01/12/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
125	Mai Thanh Giang	28/06/1985	Nữ	01/07/2009	01/07/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
126	Nguyễn Ngọc Hoa	06/12/1985	Nữ	01/07/2008	01/07/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340115	Marketing	8
127	Dương Tố Quỳnh	21/10/1987	Nữ	05/04/2016	05/04/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7340115	Marketing	8
128	Lương Thị Kim Ly	16/08/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
129	Vũ Thị Minh	06/11/1988	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
130	An Thị Thư	02/12/1980	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
131	Phạm Thị Hồng	15/12/1988	Nữ	01/09/2016	01/09/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
132	Nguyễn Xuân Diệp	01/06/1983	Nam	01/07/2009	01/07/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
133	Bùi Thị Ngân	17/01/1988	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340101	Quản trị kinh doanh	8
134	Cao Phương Nga	31/01/1984	Nữ	01/02/2012	01/02/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
135	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
136	Trần Thị Xuân	04/02/1984	Nữ	01/01/2008	01/01/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
137	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981	Nam	01/01/2016	01/01/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
138	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979	Nữ	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340301	Kế toán	8
139	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981	Nữ	01/02/2008	01/02/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị công	7310101	Kinh tế	8
140	Đặng Thị Diu	08/01/1979	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340115	Marketing	8
141	Vũ Thị Thủy Linh	01/06/1986	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
142	Nguyễn Thị Thảo	23/10/1990	Nữ	01/05/2017	01/05/2017		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
143	Nguyễn Hải Quân	25/05/1990	Nam	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
144	Phạm Hồng Trường	14/05/1980	Nam	01/12/2013	01/12/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
145	Đàm Thị Hạnh	08/03/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Triết học	7340115	Marketing	8
146	Nguyễn Thị Thu Phương	06/07/1989	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7380107	Luật kinh tế	8
147	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
148	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	29/05/1984	Nữ	12/09/2007	12/09/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
149	Lê Ngọc Nương	10/10/1985	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
150	Đoàn Huyền Trang	21/01/1990	Nữ	23/12/2015	23/12/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
151	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985	Nam	01/08/2008	01/08/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích	7340301	Kế toán	8
152	Nguyễn Ngọc Bình	06/05/1987	Nam	01/02/2010	01/02/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Giáo dục Thể chất	7380107	Luật kinh tế	8
153	Ta Thị Huyền Trang	17/02/1990	Nữ	11/12/2013	11/12/2013		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8

*Phung*

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
154	Nguyễn Minh Huệ	07/11/1983	Nữ	01/01/2007	01/01/2007		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
155	Đặng Phi Trường	17/06/1985	Nam	01/05/2009	01/05/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	quản trị nhân lực	7380107	Luật kinh tế	8
156	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985	Nữ	30/06/2016	30/06/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
157	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/01/1987	Nữ	01/07/2011	01/07/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
158	Thái Thị Thái Nguyễn	18/11/1981	Nam	01/02/2006	01/02/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
159	Nguyễn Thị Ngọc Dung	13/05/1988	Nữ	01/01/2011	01/01/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Phát triển du lịch	7340115	Marketing	8
160	Nguyễn Thị Phương	29/11/1989	Nữ	07/05/2014	07/05/2014		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Khác	7380107	Luật kinh tế	8
161	Trần Thị Hà My	25/05/1986	Nữ	31/01/2013	31/01/2013		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
162	Bê Hùng Trường	27/07/1980	Nam	01/01/2016	01/01/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
163	Nguyễn Thị Thủy Linh	16/10/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7380107	Luật kinh tế	8
164	Đoàn Quang Huy	21/01/1987	Nam	31/03/2009	31/03/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
165	Vũ Thị Mai Anh	06/10/1987	Nữ	04/03/2011	04/03/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
166	Trần Thuý Linh	31/01/1983	Nữ	01/11/2006	01/11/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
167	Đỗ Đức Quang	29/01/1985	Nam	01/04/2010	01/04/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
168	Trần Văn Nguyễn	11/10/1985	Nam	01/07/2010	01/07/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế học	7380107	Luật kinh tế	8
169	Nguyễn Thị Nội	07/12/1982	Nữ	01/11/2006	01/11/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	7380107	Luật kinh tế	8
170	Nguyễn Thị Thủy Dung	25/08/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
171	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987	Nữ	01/07/2010	01/07/2010		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
172	Tạ Bích Huệ	21/08/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7380107	Luật kinh tế	8
173	Nguyễn Thị Linh Trang	20/04/1984	Nữ	01/01/2011	01/01/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7380107	Luật kinh tế	8
174	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978	Nữ	01/07/2016	01/07/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
175	Nguyễn Thị Thúy	10/05/1991	Nữ	20/04/2016	20/04/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Triết học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
176	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1981	Nữ	14/04/2007	14/04/2007		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7340301	Kế toán	8
177	Trần Đình Mạnh	21/11/1992	Nữ	23/06/2016	23/06/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7380107	Luật kinh tế	8
178	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý hành chính công	7380107	Luật kinh tế	8
179	Nguyễn Hà Thương	31/07/1989	Nữ	01/10/2011	01/10/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
180	Hoàng Văn Dư	21/07/1972	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	8
181	Nguyễn Thị Oanh	08/02/1990	Nữ	21/12/2016	21/12/2016		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
182	Dương Thị Luyến	02/03/1989	Nữ	01/04/2014	01/04/2014		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
183	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/07/1986	Nữ	01/09/2008	01/09/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	7340301	Kế toán	8
184	Đàm Thanh Thủy	17/10/1973	Nữ	01/06/2008	01/06/2008		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7380107	Luật kinh tế	8
185	Vũ Bích Vân	27/07/1990	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7340115	Marketing	8
186	Dương Công Hiệp	17/11/1988	Nam	01/05/2012	01/05/2012		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý hoạt động và Kinh doanh	7340301	Kế toán	8
187	Ngô Thị Huyền Trang	29/09/1987	Nữ	01/09/2009	01/09/2009		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
188	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988	Nữ	01/05/2011	01/05/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
189	Dương Thu Minh	10/01/1983	Nữ	01/04/2005	01/04/2005		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
190	Ma Thị Hương	29/04/1974	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
191	Đoàn Mạnh Hồng	08/04/1978	Nam	01/11/2005	01/11/2005		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị công	7340115	Marketing	8
192	Phạm Thị Nga	04/02/1983	Nữ	01/03/2013	01/03/2013		HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị	7340101	Quản trị kinh doanh	8
193	Nguyễn Thị Anh Đào	27/12/1990	Nữ	29/01/2013	29/01/2013		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
194	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế	7310101	Kinh tế	8
195	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
196	Đình Hồng Linh	23/10/1982	Nam	01/02/2006	01/02/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
197	Đỗ Kim Dư	04/05/1981	Nữ	31/10/2006	31/10/2006		HĐLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
198	Trần Thị Phương Hạnh	24/11/1986	Nữ	01/01/2011	01/01/2011		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
199	Đình Thị Vững	05/10/1988	Nữ	01/02/2012	01/02/2012		HĐLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	7380107	Luật kinh tế	8

*Phung*

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Ngày bắt đầu hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành tham gia ĐTTX	Tên ngành tham gia ĐTTX	Thời gian (số giờ trung bình tham gia ĐTTX/ tuần)
200	Ấu Thị Diệu Linh	27/10/1991	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
201	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7340101	Quản trị kinh doanh	8
202	Nguyễn Thị Phương Thủy	25/02/1981	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
203	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
204	Triệu Văn Huân	04/06/1988	Nam	01/11/2010	01/11/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế đầu tư	7310101	Kinh tế	8
205	Dương Thanh Hà	02/11/1976	Nam	01/10/2004	01/10/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Marketing	7340115	Marketing	8
206	Đặng Kim Oanh	04/10/1986	Nữ	01/07/2011	01/07/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán	8
207	Trần Thị Bình An	25/07/1990	Nữ	01/08/2024	01/08/2024	01/08/2027	HDLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
208	Nguyễn Thu Thủy	02/10/1990	Nữ	01/12/2017	01/12/2017		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
209	Ngô Thị Tân Hương	13/10/1974	Nữ	01/04/2008	01/04/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Triết học	7380107	Luật kinh tế	8
210	Lê Thu Hoài	20/12/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế học	7340115	Marketing	8
211	Trần Văn Giảng	06/09/1984	Nam	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Triết học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
212	Vũ Thị Quỳnh Chi	20/10/1980	Nữ	01/04/2005	01/04/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích	7340301	Kế toán	8
213	Đỗ Thị Thủy Linh	24/02/1987	Nữ	01/09/2010	01/09/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Phát triển kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
214	Nguyễn Thị Minh Hằng	23/02/1986	Nữ	01/04/2012	01/04/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
215	Bùi Thị Thu Hương	04/02/1986	Nữ	01/07/2009	01/07/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
216	Mai Việt Anh	24/09/1983	Nam	01/05/2007	01/05/2007		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340115	Marketing	8
217	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976	Nam	29/10/2014	29/10/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
218	Hoàng Thị Lê Mỹ	17/01/1988	Nữ	01/11/2010	01/11/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật	7380107	Luật kinh tế	8
219	Lê Hùng Ninh	04/01/1992	Nam	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	7340115	Marketing	8
220	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981	Nữ	01/10/2011	01/10/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
221	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984	Nữ	01/08/2021	01/08/2021		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế học	7340101	Quản trị kinh doanh	8
222	Nguyễn Quỳnh Hoa	04/10/1985	Nữ	01/08/2008	01/08/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Toán giải tích	7340201	Tài chính - Ngân hàng	8
223	Đàm Thanh Huyền	13/11/1991	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế	7340115	Marketing	8
224	Nguyễn Thu Hà	04/06/1989	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	7340101	Quản trị kinh doanh	8
225	Dương Thị Hương	26/02/1988	Nữ	10/03/2016	10/03/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	7340101	Quản trị kinh doanh	8
226	Ta Việt Anh	14/10/1981	Nam	18/01/2011	18/01/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh doanh và văn hành	7380107	Luật kinh tế	8
227	Phạm Thanh Hà	01/10/1983	Nữ	01/02/2009	01/02/2009		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
228	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979	Nam	01/01/2005	01/01/2005		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340301	Kế toán	8
229	Nguyễn Hải Khanh	07/10/1984	Nữ	01/01/2012	01/01/2012		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
230	Thái Thị Thu Trang	14/04/1983	Nữ	01/02/2006	01/02/2006		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kinh tế	7340301	Kế toán	8
231	Cao Thị Thanh Phương	25/10/1988	Nữ	11/12/2015	11/12/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
232	Bùi Như Hiền	18/09/1985	Nam	01/02/2008	01/02/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	8
233	Trần Thị Kim Anh	01/12/1991	Nữ	01/01/2022	01/01/2022	01/01/2026	HDLĐ xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
234	Nguyễn Thu Thủy	12/11/1985	Nữ	01/01/2010	01/01/2010		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	7340101	Quản trị kinh doanh	8
235	Nguyễn Thị Huyền Thương	16/08/1989	Nữ	22/11/2016	22/11/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
236	Nguyễn Thị Thu Thư	18/09/1987	Nữ	11/12/2015	11/12/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
237	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979	Nữ	01/09/2004	01/09/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích	7340301	Kế toán	8
238	Nguyễn Thảo Nguyên	10/04/1990	Nữ	01/09/2016	01/09/2016		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	7340115	Marketing	8
239	Vũ Thị Hòa	27/07/1990	Nữ	26/08/2015	26/08/2015		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Kế toán	7340301	Kế toán	8
240	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1976	Nữ	01/10/2014	01/10/2014		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	7340301	Kế toán	8
241	Nguyễn Quang Huy	08/10/1983	Nam	31/07/2008	31/07/2008		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
242	Hoàng Nghiệp Quỳnh	12/11/1978	Nữ	01/04/2011	01/04/2011		HDLĐ không xác định thời hạn		Thạc sĩ	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	8
243	Đỗ Mạc Ngân Doanh	23/09/1990	Nữ	01/06/2024	01/06/2024	31/05/2025	HDLĐ xác định thời hạn		Tiến sĩ	Luật	7380107	Luật kinh tế	8
244	Đông Thị Hồng Ngọc	28/09/1988	Nữ	01/07/2018	01/07/2018		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	LL và PP dạy học bộ môn Toán học	7340301	Kế toán	8
245	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981	Nữ	01/08/2004	01/08/2004		HDLĐ không xác định thời hạn		Tiến sĩ	Quản trị Kinh doanh	7340115	Marketing	8

*Phạm*

2.1.1. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Luật kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản lý công	Kinh tế	Quản trị nhân lực	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế phát triển	Thương mại điện tử	Khoa học dữ liệu	Kinh doanh quốc tế	Marketing	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư			Tài chính - Ngân hàng
			7380107	7810103	7340403	7310101	7340404	7510605	7310105	7340122	7460108	7340120	7340115	7340301	7340101	7310104			7340201
1	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/1989											45		55			2	100
2	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984						100										1	100
3	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990	100															1	100
4	Nguyễn Thị Như Quỳnh	19/07/1989	100															1	100
5	Bùi Minh Tân	05/01/1988	100															1	100
6	Phượng Hữu Khiêm	09/01/1984											100					1	100
7	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978							15								85	2	100
8	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984								20				50		30		3	100
9	Trần Huy Ngọc	25/10/1987					30			70								2	100
10	Nguyễn Thị Lan Hương	18/06/1983												100				1	100
11	Hoàng Thị Thu Hằng	24/01/1983												100				1	100
12	Nguyễn Thị Thanh Quý	23/08/1991												100				1	100
13	Trần Nguyễn Bình	19/08/1984	100															1	100
14	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987												100				1	100
15	Trình Thị Thu Trang	29/04/1989													100			1	100
16	Phạm Thùy Linh	04/01/1987													100			1	100
17	Dương Thị Tinh	03/10/1978		90											10			2	100
18	Vũ Thị Hậu	08/01/1977						100										1	100
19	Nguyễn Thị Lương Anh	18/10/1990													100			1	100
20	Trần Tuấn Anh	26/04/1986												100				1	100
21	Hoàng Văn Hải	28/03/1979						100										1	100
22	Nguyễn Thị Kim Anh	17/09/1973												100				1	100
23	Nguyễn Thành Công	02/09/1984	100												100			1	100
24	Đỗ Thị Thúy Phương	04/02/1974													100			1	100
25	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979								100								1	100
26	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979						100										1	100
27	Thắng Thị Hồng Nhung	06/09/1990											100					1	100
28	Nguyễn Văn Công	29/06/1973									5						95	2	100
29	Dương Thị Thúy Hương	07/05/1984						80							20			2	100
30	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982							50					50				2	100
31	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978								100								1	100
32	Đào Thị Tân	19/09/1984	100													100		1	100
33	Nguyễn Thị Thu Hà	18/10/1989																1	100
34	Lưu Thị Phương Thảo	22/05/1986	100															1	100
35	Hoàng Thị Nguyệt	09/02/1988														100		1	100
36	Nguyễn Văn Anh	09/10/1978																1	100
37	Vũ Đức Hà	10/10/1988						100										1	100
38	Nguyễn Việt Phương	08/10/1985									100							1	100
39	Đặng Tất Thắng	05/07/1980					90			10								2	100
40	Trần Thị Tiếp	22/06/1985						100										1	100

*Phong*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Luật kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản lý công	Kinh tế	Quản trị nhân lực	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế phát triển	Thương mại điện tử	Khoa học dữ liệu	Kinh doanh quốc tế	Marketing	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư			Tài chính - Ngân hàng
			7380107	7810103	7340403	7310101	7340404	7510605	7310105	7340122	7460108	7340120	7340115	7340301	7340101	7310104			7340201
41	Hoàng Hà	07/09/1974														100	1	100	
42	Đinh Thị Tuyết	16/07/1988												100			1	100	
43	Giang Thị Trang	25/10/1990												100			1	100	
44	Bach Thị Huyền	22/05/1988												100			1	100	
45	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983														100	1	100	
46	Nguyễn Đức Dũng	31/08/1982													100		1	100	
47	Hoàng Chi Thanh	05/07/1984													100		1	100	
48	Nguyễn Thị Hoài Thu	20/10/1988												100			1	100	
49	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983											100				1	100	
50	Trần Thị Bích Thủy	12/02/1979	80								20						2	100	
51	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985													100		1	100	
52	Nguyễn Thị Hường	05/11/1990												100			1	100	
53	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980														100	1	100	
54	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976					100										1	100	
55	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983												100			1	100	
56	Đỗ Thanh Phúc	09/02/1986													100		1	100	
57	Nguyễn Đức Thu	08/06/1966													100		1	100	
58	Hoàng Mai Phương	20/03/1989												100			1	100	
59	Nguyễn Thu Hằng	27/01/1991												100			1	100	
60	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/10/1990												100			1	100	
61	Nguyễn Như Quỳnh	14/09/1988														100	1	100	
62	Nguyễn Tiên Phong	05/12/1966													100		1	100	
63	Trần Thị Mai Linh	02/11/1990													100		1	100	
64	Phạm Minh Hương	23/08/1986		100													1	100	
65	Phạm Thị Ngân	19/08/1987									100						1	100	
66	Nguyễn Thị Hương	10/07/1987					90			10							2	100	
67	Cao Thị Phương Thảo	20/05/1990										20				80	2	100	
68	Phạm Lê Vân	15/06/1985													100		1	100	
69	Dương Thị Hương Liên	24/04/1984												100			1	100	
70	Dương Thanh Tinh	17/11/1976												100			1	100	
71	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980								100							1	100	
72	Kiều Thị Khánh	18/03/1990														100	1	100	
73	Đỗ Đình Long	14/05/1976					100										1	100	
74	Chu Thị Kim Ngân	29/07/1990						100									1	100	
75	Trần Quang Huy	15/04/1962	30	10				50							10		4	100	
76	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985														100	1	100	
77	Ma Thị Huyền Nga	15/12/1989													100		1	100	
78	Trần Thị Thủy Linh	28/06/1989														100	1	100	
79	Đào Thúy Hằng	25/10/1983												100			1	100	
80	Cù Phúc Thành	21/05/1967														40	2	100	
81	Nguyễn Thu Hà	18/07/1991												100			1	100	

*Huy*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Luật kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản lý công	Kinh tế	Quản trị nhân lực	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế phát triển	Thương mại điện tử	Khoa học dữ liệu	Kinh doanh quốc tế	Marketing	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư			Tài chính - Ngân hàng
			7380107	7810103	7340403	7310101	7340404	7510605	7310105	7340122	7460108	7340120	7340115	7340301	7340101	7310104			7340201
82	Lê Thu Hà	03/11/1982													100			1	100
83	Nguyễn Thị Hồng Yến	25/06/1982											100					1	100
84	La Quí Dương	04/01/1986													100			1	100
85	Ngô Thị Nhung	06/06/1986													100			1	100
86	Hoàng Thanh Hải	03/09/1988										100						1	100
87	Nguyễn Thị Thanh Huyền	20/08/1983										100						1	100
88	Trần Thanh Tùng	20/07/1970												100				1	100
89	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/07/1984													100			1	100
90	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981				80					20							2	100
91	Trần Thị Nhung	16/10/1985											100					1	100
92	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/09/1989											100					1	100
93	Đào Thị Hương	27/10/1988											100					1	100
94	Trần Thanh Hải	19/08/1992															100	1	100
95	Nguyễn Hồng Hải	25/11/1980										50		50				2	100
96	Trần Xuân Kiên	21/09/1981													100			1	100
97	Đàm Phương Lan	05/11/1978												100				1	100
98	Hà Thị Thanh Hoa	14/05/1980													100			1	100
99	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984													100			1	100
100	Vũ Bạch Diệp	04/05/1991													100			1	100
101	Nông Thị Dung	16/01/1981													100			1	100
102	Nguyễn Văn Thanh	01/10/1984	100															1	100
103	Chu Thị Thúc	15/12/1987															100	1	100
104	Phạm Thị Linh	19/10/1985									50				50			2	100
105	Bùi Thị Trà Ly	12/12/1986													100			1	100
106	Trần Thị Mai	26/08/1979									100							1	100
107	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981															100	1	100
108	Lê Thị Thu Phương	26/01/1983								10	45						45	3	100
109	Đinh Trọng Ân	30/11/1986													100			1	100
110	Nguyễn Văn Huy	21/07/1983		100														1	100
111	Lê Thị Thu Huyền	10/10/1985											100					1	100
112	Phạm Thị Hồng Nhung	28/01/1989											100					1	100
113	Đặng Trung Kiên	05/07/1989								100								1	100
114	Nguyễn Thị Thu Trang	04/11/1983												100				1	100
115	Nguyễn Văn Hùng	04/11/1984									30		70					2	100
116	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/10/1988													100			1	100
117	Trần Thị Ngọc Linh	08/06/1983													100			1	100
118	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982												100				1	100
119	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/03/1975												100				1	100
120	Bùi Thị Minh Hằng	18/05/1982								20		30			50			3	100
121	Nông Thị Minh Ngọc	11/02/1989													100			1	100
122	Đỗ Trọng Nghĩa	24/11/1989										70					30	2	100

*Pray*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số		
			Luật kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản lý công	Kinh tế	Quản trị nhân lực	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế phát triển	Thương mại điện tử	Khoa học dữ liệu	Kinh doanh quốc tế	Marketing	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư			Tài chính - Ngân hàng	
			7380107	7810103	7340403	7310101	7340404	7510605	7310105	7340122	7460108	7340120	7340115	7340301	7340101	7310104			7340201	
123	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1988															100	1	100	
124	Ta Thị Thanh Huyền	15/06/1978			100														1	100
125	Mai Thanh Giang	28/06/1985															100		1	100
126	Nguyễn Ngọc Hoa	06/12/1985										100							1	100
127	Dương Tố Quỳnh	21/10/1987										100							1	100
128	Lương Thị Kim Ly	16/08/1989											10	90					2	100
129	Vũ Thị Minh	06/11/1988											100						1	100
130	An Thị Thư	02/12/1980											100						1	100
131	Phạm Thị Hồng	15/12/1988												100					1	100
132	Nguyễn Xuân Diệp	01/06/1983										100							1	100
133	Bùi Thị Ngân	17/01/1988						100											1	100
134	Cao Phương Nga	31/01/1984													100				1	100
135	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979										100							1	100
136	Trần Thị Xuân	04/02/1984													100				1	100
137	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981															100		1	100
138	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979							10				50					40	3	100
139	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981				90											10		2	100
140	Dặng Thị Diu	08/01/1979										100							1	100
141	Vũ Thị Thủy Linh	01/06/1986		20			40			30								10	4	100
142	Nguyễn Thị Thảo	23/10/1990											100						1	100
143	Nguyễn Hải Quân	25/05/1990											100						1	100
144	Phạm Hồng Trường	14/05/1980								100									1	100
145	Đàm Thị Hạnh	08/03/1991										100							1	100
146	Nguyễn Thị Thu Phương	06/07/1989	100																1	100
147	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990		100															1	100
148	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	29/05/1984											100						1	100
149	Lê Ngọc Nương	10/10/1985			70												30		2	100
150	Đoàn Huyền Trang	21/01/1990						100											1	100
151	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985											100						1	100
152	Nguyễn Ngọc Bình	06/05/1987	100																1	100
153	Ta Thị Huyền Trang	17/02/1990	85							15									2	100
154	Nguyễn Minh Huệ	07/11/1983										100							1	100
155	Đặng Phi Trường	17/06/1985					100												1	100
156	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985											100						1	100
157	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/01/1987											100						1	100
158	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981											100						1	100
159	Nguyễn Thị Ngọc Dung	13/05/1988		100															1	100
160	Nguyễn Thị Phương	29/11/1989	85							15									2	100
161	Trần Thị Hà My	25/05/1986						80				20							2	100
162	Bé Hùng Trường	27/07/1980	80							20									2	100
163	Nguyễn Thị Thủy Linh	16/10/1991	100																1	100

*Handwritten signature*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Luật kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản lý công	Kinh tế	Quản trị nhân lực	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế phát triển	Thương mại điện tử	Khoa học dữ liệu	Kinh doanh quốc tế	Marketing	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư			Tài chính - Ngân hàng
			7380107	7810103	7340403	7310101	7340404	7510605	7310105	7340122	7460108	7340120	7340115	7340301	7340101	7310104			7340201
164	Đoàn Quang Huy	21/01/1987									30	50	20				3	100	
165	Vũ Thị Mai Anh	06/10/1987		20				80										2	100
166	Trần Thuý Linh	31/01/1983	100															1	100
167	Đỗ Đức Quang	29/01/1985										100						1	100
168	Trần Văn Nguyễn	11/10/1985	100															1	100
169	Nguyễn Thị Nội	07/12/1982	50		35				15									3	100
170	Nguyễn Thị Thủy Dung	25/08/1989	100															1	100
171	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987						100										1	100
172	Ta Bích Huệ	21/08/1989	100															1	100
173	Nguyễn Thị Linh Trang	20/04/1984						40									30	3	100
174	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978								5		95						2	100
175	Nguyễn Thị Thủy	10/05/1991							100									1	100
176	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1981											100					1	100
177	Trần Đình Mạnh	21/11/1992						100										1	100
178	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	100															1	100
179	Nguyễn Hà Thương	31/07/1989															100	1	100
180	Hoàng Văn Dư	21/07/1972							100									1	100
181	Nguyễn Thị Oanh	08/02/1990													100			1	100
182	Dương Thị Luyến	02/03/1989											100					1	100
183	Nguyễn Thị Thu Hiền	16/07/1986											100					1	100
184	Đàm Thanh Thủy	17/10/1973			100													1	100
185	Vũ Bích Vân	27/07/1990											100					1	100
186	Dương Công Hiệp	17/11/1988											100					1	100
187	Ngô Thị Huyền Trang	29/09/1987		100														1	100
188	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988											100					1	100
189	Dương Thu Minh	10/01/1983											100					1	100
190	Ma Thị Hương	29/04/1974											100					1	100
191	Đoàn Mạnh Hồng	08/04/1978		90											10			2	100
192	Phạm Thị Nga	04/02/1983																1	100
193	Nguyễn Thị Anh Đào	27/12/1990											10		90			2	100
194	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976						100										1	100
195	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979	50		50													2	100
196	Đình Hồng Linh	23/10/1982													100			1	100
197	Đỗ Kim Dư	04/05/1981															100	1	100
198	Trần Thị Phương Hạnh	24/11/1986													100			1	100
199	Đình Thị Vững	05/10/1988	100															1	100
200	Áu Thị Diệu Linh	27/10/1991	100															1	100
201	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991													100			1	100
202	Nguyễn Thị Phương Thủy	25/02/1981	100															1	100
203	Hoàng Thị Thu	10/01/1976															100	1	100
204	Triều Văn Huân	04/06/1988							20								80	2	100

*Handwritten signature*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành														Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số	
			Luật kinh tế	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản lý công	Kinh tế	Quản trị nhân lực	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Kinh tế phát triển	Thương mại điện tử	Khoa học dữ liệu	Kinh doanh quốc tế	Marketing	Kế toán	Quản trị kinh doanh	Kinh tế đầu tư			Tài chính - Ngân hàng
			7380107	7810103	7340403	7310101	7340404	7510605	7310105	7340122	7460108	7340120	7340115	7340301	7340101	7310104			7340201
205	Dương Thanh Hà	02/11/1976											100					1	100
206	Đặng Kim Oanh	04/10/1986											40	60				2	100
207	Trần Thị Bình An	25/07/1990	100															1	100
208	Nguyễn Thu Thủy	02/10/1990											100					1	100
209	Ngô Thị Tân Hương	13/10/1974	100															1	100
210	Lê Thu Hoài	20/12/1989											100					1	100
211	Trần Văn Giảng	06/09/1984															100	1	100
212	Vũ Thị Quỳnh Chi	20/10/1980												100				1	100
213	Đỗ Thị Thủy Linh	24/02/1987									20		50	30				3	100
214	Nguyễn Thị Minh Hằng	23/02/1986											100					1	100
215	Bùi Thị Thu Hương	04/02/1986													100			1	100
216	Mai Việt Anh	24/09/1983		100														1	100
217	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976							80							20		2	100
218	Hoàng Thị Lệ Mỹ	17/01/1988	100															1	100
219	Lê Hùng Ninh	04/01/1992								100								1	100
220	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981											100					1	100
221	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984							100									1	100
222	Nguyễn Quỳnh Hoa	04/10/1985								80			20					2	100
223	Đàm Thanh Huyền	13/11/1991											100					1	100
224	Nguyễn Thu Hà	04/06/1989													100			1	100
225	Dương Thị Hương	26/02/1988								100								1	100
226	Tạ Việt Anh	14/10/1981	100															1	100
227	Phạm Thanh Hà	01/10/1983												100				1	100
228	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979												100				1	100
229	Nguyễn Hải Khanh	07/10/1984	50												50			2	100
230	Thái Thị Thu Trang	14/04/1983												100				1	100
231	Cao Thị Thanh Phương	25/10/1988	100															1	100
232	Bùi Như Hiền	18/09/1985													100			1	100
233	Trần Thị Kim Anh	01/12/1991	100															1	100
234	Nguyễn Thu Thủy	12/11/1985													100			1	100
235	Nguyễn Thị Huyền Thương	16/08/1989												100				1	100
236	Nguyễn Thị Thu Thư	18/09/1987												100				1	100
237	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979												100				1	100
238	Nguyễn Thảo Nguyễn	10/04/1990												100				1	100
239	Vũ Thị Hòa	27/07/1990												100				1	100
240	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1976								65		5					30	3	100
241	Nguyễn Quang Huy	08/10/1983	100															1	100
242	Hoàng Nghiệp Quỳnh	12/11/1978	100															1	100
243	Đỗ Mạc Ngân Doanh	23/09/1990	100															1	100
244	Đông Thị Hồng Ngọc	28/09/1988								50				50				2	100
245	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981												100				1	100

Huy

2.1.2. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Thạc sĩ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành					Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
			Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển	Quản trị kinh doanh	Kế toán	Kinh tế nông nghiệp		
			8310110	8310105	8340101	8340301	8620115		
1	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984			100			1	100
2	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990	100					1	100
3	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984			100			1	100
4	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978		100				1	100
5	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984		100				1	100
6	Trần Huy Ngọc	25/10/1987	100					1	100
7	Nguyễn Thị Lan Hương	18/06/1983			100			1	100
8	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987				100		1	100
9	Dương Thị Tình	03/10/1978		100				1	100
10	Vũ Thị Hậu	08/01/1977	100					1	100
11	Trần Tuấn Anh	26/04/1986	100					1	100
12	Nguyễn Thị Kim Anh	17/09/1973				100		1	100
13	Nguyễn Thành Công	02/09/1984	100					1	100
14	Đỗ Thị Thúy Phương	04/02/1974				100		1	100
15	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979			100			1	100
16	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979			100			1	100
17	Nguyễn Văn Công	29/06/1973					100	1	100
18	Dương Thị Thúy Hương	07/05/1984			100			1	100
19	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982					100	1	100
20	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978			100			1	100
21	Đặng Tất Thắng	05/07/1980			100			1	100
22	Hoàng Hà	07/09/1974			100			1	100
23	Đinh Thị Tuyết	16/07/1988					100	1	100
24	Bạch Thị Huyền	22/05/1988	100					1	100
25	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983	100					1	100
26	Nguyễn Đắc Dũng	31/08/1982			100			1	100
27	Nguyễn Thị Hoài Thu	20/10/1988	100					1	100
28	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983	100					1	100
29	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985	100					1	100
30	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980	100					1	100
31	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976		100				1	100
32	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983				100		1	100
33	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980			100			1	100
34	Kiều Thị Khánh	18/03/1990	100					1	100
35	Đỗ Đình Long	14/05/1976			100			1	100

*Handwritten signature*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành					Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
			Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển	Quản trị kinh doanh	Kế toán	Kinh tế nông nghiệp		
			8310110	8310105	8340101	8340301	8620115		
36	Trần Quang Huy	15/04/1962	100					1	100
37	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985					100	1	100
38	Trần Thị Thùy Linh	28/06/1989			100			1	100
39	Đào Thúy Hằng	25/10/1983	100					1	100
40	Lê Thu Hà	03/11/1982			100			1	100
41	Nguyễn Thị Hồng Yến	25/06/1982	100					1	100
42	Ngô Thị Nhung	06/06/1986	100					1	100
43	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981		100				1	100
44	Trần Thị Nhung	16/10/1985				100		1	100
45	Đào Thị Hương	27/10/1988			100			1	100
46	Đàm Phương Lan	05/11/1978				100		1	100
47	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984			100			1	100
48	Vũ Bạch Diệp	04/05/1991	100					1	100
49	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981	100					1	100
50	Đặng Trung Kiên	05/07/1989			100			1	100
51	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982				100		1	100
52	Bùi Thị Minh Hằng	18/05/1982	100					1	100
53	Tạ Thị Thanh Huyền	15/06/1978	100					1	100
54	Mai Thanh Giang	28/06/1985	100					1	100
55	Vũ Thị Minh	06/11/1988	100					1	100
56	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979	100					1	100
57	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981	100					1	100
58	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979					100	1	100
59	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981		100				1	100
60	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990			100			1	100
61	Lê Ngọc Nương	10/10/1985	100					1	100
62	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985	100					1	100
63	Đặng Phi Trường	17/06/1985			100			1	100
64	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985	100					1	100
65	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981	100					1	100
66	Đoàn Quang Huy	21/01/1987			100			1	100
67	Trần Thủy Linh	31/01/1983	100					1	100
68	Trần Văn Nguyên	11/10/1985	100					1	100
69	Nguyễn Thị Nội	07/12/1982		100				1	100

*Handwritten signature*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành					Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
			Quản lý kinh tế	Kinh tế phát triển	Quản trị kinh doanh	Kế toán	Kinh tế nông nghiệp		
			8310110	8310105	8340101	8340301	8620115		
70	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987	100					1	100
71	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978			100			1	100
72	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	100					1	100
73	Đàm Thanh Thủy	17/10/1973	100					1	100
74	Ngô Thị Huyền Trang	29/09/1987	100					1	100
75	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988	100					1	100
76	Dương Thu Minh	10/01/1983	100					1	100
77	Ma Thị Hương	29/04/1974				100		1	100
78	Phạm Thị Nga	04/02/1983	100					1	100
79	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976					100	1	100
80	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979	100					1	100
81	Đinh Hồng Linh	23/10/1982			100			1	100
82	Đỗ Kim Dư	04/05/1981	100					1	100
83	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991	100					1	100
84	Nguyễn Thị Phương Thúy	25/02/1981	100					1	100
85	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	100					1	100
86	Triệu Văn Huân	04/06/1988	100					1	100
87	Dương Thanh Hà	02/11/1976			100			1	100
88	Ngô Thị Tân Hương	13/10/1974				100		1	100
89	Trần Văn Giảng	06/09/1984			100			1	100
90	Vũ Thị Quỳnh Chi	20/10/1980				100		1	100
91	Đỗ Thị Thùy Linh	24/02/1987			100			1	100
92	Bùi Thị Thu Hương	04/02/1986	100					1	100
93	Mai Việt Anh	24/09/1983			100			1	100
94	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976			100			1	100
95	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981				100		1	100
96	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984			100			1	100
97	Ta Việt Anh	14/10/1981			100			1	100
98	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979	100					1	100
99	Cao Thị Thanh Phương	25/10/1988			100			1	100
100	Nguyễn Thu Thủy	12/11/1985	100					1	100
101	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979	100					1	100
102	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1976					100	1	100
103	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981			100			1	100

*Key*

2.1.3 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Tiến sĩ

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành			Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
						Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh	Kinh tế nông nghiệp		
						9340101	9620115	9310110		
1	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ		100		1	100
2	Nguyễn Thị Ngân	09/02/1990	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ	100			1	100
3	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
4	Nguyễn Thị Thúy Vân	12/10/1978	Kinh tế đầu tư		Tiến sĩ			100	1	100
5	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
6	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
7	Dương Thị Tinh	03/10/1978	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
8	Vũ Thị Hậu	08/01/1977	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
9	Trần Tuấn Anh	26/04/1986	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
10	Nguyễn Thị Kim Anh	17/09/1973	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
11	Nguyễn Thành Công	02/09/1984	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
12	Đỗ Thị Thúy Phương	04/02/1974	Kinh tế nông nghiệp	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100			1	100
13	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
14	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979	Quản lý công nghiệp		Tiến sĩ		100		1	100
15	Nguyễn Văn Công	29/06/1973	Kinh tế phát triển		Tiến sĩ			100	1	100
16	Dương Thị Thúy Hương	07/05/1984	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
17	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
18	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
19	Đặng Tất Thắng	05/07/1980	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
20	Hoàng Hà	07/09/1974	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
21	Bạch Thị Huyền	22/05/1988	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
22	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
23	Nguyễn Đắc Dũng	31/08/1982	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ		100		1	100
24	Nguyễn Thị Hoài Thu	20/10/1988	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
25	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
26	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
27	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
28	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976	Khác	Phó giáo sư	Tiến sĩ			100	1	100
29	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983	Kế toán		Tiến sĩ		100		1	100
30	Kiều Thị Khánh	18/03/1990	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
31	Đỗ Đình Long	14/05/1976	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
32	Trần Quang Huy	15/04/1962	Kinh tế nông nghiệp	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100		1	100

*Huy*

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành			Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
						Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh	Kinh tế nông nghiệp		
						9340101	9620115	9310110		
33	Nguyễn Thị Thu Thương	26/07/1985	Khác	Phó giáo sư	Tiến sĩ			100	1	100
34	Trần Thị Thùy Linh	28/06/1989	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ		100		1	100
35	Đào Thúy Hằng	25/10/1983	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
36	Nguyễn Thị Hồng Yến	25/06/1982	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
37	Ngô Thị Nhung	06/06/1986	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ	100			1	100
38	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
39	Trần Thị Nhung	16/10/1985	Kế toán		Tiến sĩ		100		1	100
40	Đào Thị Hương	27/10/1988	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
41	Đàm Phương Lan	05/11/1978	Kế toán		Tiến sĩ		100		1	100
42	Hà Thị Thanh Hoa	14/05/1980	Kế toán		Thạc sĩ		100		1	100
43	Vũ Bạch Diệp	04/05/1991	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ	100			1	100
44	Nguyễn Thị Thành Vinh	12/09/1981	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
45	Đặng Trung Kiên	05/07/1989	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
46	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	Kế toán		Tiến sĩ		100		1	100
47	Bùi Thị Minh Hằng	18/05/1982	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
48	Tạ Thị Thanh Huyền	15/06/1978	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
49	Mai Thanh Giang	28/06/1985	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
50	Vũ Thị Minh	06/11/1988	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
51	Nguyễn Thị Thu	22/11/1979	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
52	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
53	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
54	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981	Khác		Tiến sĩ			100	1	100
55	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
56	Lê Ngọc Nương	10/10/1985	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
57	Phan Thị Thái Hà	11/03/1985	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
58	Đặng Phi Trường	17/06/1985	Quản trị nhân lực		Tiến sĩ		100		1	100
59	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
60	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
61	Đoàn Quang Huy	21/01/1987	Khác	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100		1	100
62	Trần Văn Nguyễn	11/10/1985	Kinh tế học		Tiến sĩ	100			1	100
63	Nguyễn Thị Thu Trang	15/09/1987	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
64	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
65	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	Khác		Tiến sĩ	100			1	100

*Huy*

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Chuyên môn đào tạo	Chức danh khoa học	Trình độ	Trọng số tham gia giảng dạy các ngành			Tổng số ngành tham gia	Tổng trọng số
						Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh	Kinh tế nông nghiệp		
						9340101	9620115	9310110		
66	Đàm Thanh Thủy	17/10/1973	Kinh tế phát triển		Tiến sĩ	100			1	100
67	Ngô Thị Huyền Trang	29/09/1987	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
68	Phùng Thị Thu Hà	28/12/1988	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
69	Đương Thu Minh	10/01/1983	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
70	Ma Thị Hương	29/04/1974	Kế toán		Tiến sĩ			100	1	100
71	Phạm Thị Nga	04/02/1983	Kinh tế chính trị	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100			1	100
72	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976	Kinh tế nông nghiệp		Tiến sĩ			100	1	100
73	Phạm Thị Ngọc Vân	18/08/1979	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
74	Đinh Hồng Linh	23/10/1982	Kinh tế	Phó giáo sư	Tiến sĩ		100		1	100
75	Đỗ Kim Dư	04/05/1981	Tài chính - Ngân hàng		Tiến sĩ	100			1	100
76	Phùng Trần Mỹ Hạnh	03/03/1991	Kinh tế phát triển		Tiến sĩ	100			1	100
77	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	Khác	Phó giáo sư	Tiến sĩ	100			1	100
78	Triệu Văn Huân	04/06/1988	Kinh tế đầu tư		Tiến sĩ	100			1	100
79	Đương Thanh Hà	02/11/1976	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
80	Vũ Thị Quỳnh Chi	20/10/1980	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
81	Đỗ Thị Thùy Linh	24/02/1987	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
82	Bùi Thị Thu Hương	04/02/1986	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
83	Mai Việt Anh	24/09/1983	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
84	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100
85	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981	Kế toán		Tiến sĩ	100			1	100
86	Phạm Thị Minh Nguyệt	12/02/1984	Kinh tế học		Tiến sĩ		100		1	100
87	Tạ Việt Anh	14/10/1981	Khác		Tiến sĩ		100		1	100
88	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
89	Cao Thị Thanh Phương	25/10/1988	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ		100		1	100
90	Nguyễn Thu Thủy	12/11/1985	Quản lý kinh tế		Tiến sĩ	100			1	100
91	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979	Khác		Tiến sĩ	100			1	100
92	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1976	Kinh tế phát triển		Tiến sĩ			100	1	100
93	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1981	Quản trị kinh doanh		Tiến sĩ		100		1	100

2.2. Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Không có

2.2.1. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Đại học

2.2.2. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Thạc sĩ

2.2.3. Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng: Trình độ Tiến sĩ

*ky*

3. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa:

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Thời hạn hợp đồng	Mã ngành đại học	Mã ngành đại học	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTTX
1	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/1989	Nam	01/09/2011		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
2	Nguyễn Thành Vũ	12/11/1984	Nam	01/01/2010		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế nông nghiệp	12
3	Phương Hữu Khiêm	09/01/1984	Nam	30/05/2010		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Kinh tế	12
4	Nguyễn Thị Thủy Vân	12/10/1978	Nữ	01/10/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế đầu tư	12
5	Nguyễn Thị Thu Hà	24/12/1984	Nữ	01/09/2007		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Quản trị công	12
6	Trần Huy Ngọc	25/10/1987	Nam	01/04/2010		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Chính trị học	12
7	Đỗ Thị Thu Hằng	22/04/1987	Nữ	01/10/2010		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
8	Nguyễn Thị Kim Anh	17/09/1973	Nữ	01/09/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán, kiểm toán và phân tích	12
9	Đỗ Thị Thúy Phương	04/02/1974	Nữ	01/09/2004	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế nông nghiệp	12
10	Ngô Thị Hương Giang	07/10/1979	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Thương mại	12
11	Phạm Thị Thanh Mai	29/09/1979	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản lý công nghiệp	12
12	Nguyễn Văn Công	29/06/1973	Nam	01/04/2006		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế phát triển	12
13	Ngô Thị Mỹ	29/11/1982	Nữ	01/04/2005		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế nông nghiệp	12
14	Phạm Văn Hạnh	11/02/1978	Nam	01/10/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
15	Nguyễn Thị Hồng Liên	28/06/1982	Nữ	07/12/2014		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản lý giáo dục	12
16	Đặng Tất Thắng	05/07/1980	Nam	25/02/2008		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản trị kinh doanh	12
17	Nguyễn Thu Nga	10/09/1983	Nữ	01/07/2008		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
18	Nguyễn Đắc Dũng	31/08/1982	Nam	14/01/2007		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản lý kinh tế	12
19	Vũ Quỳnh Nam	12/04/1983	Nữ	26/08/2015		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản lý kinh tế	12
20	Nguyễn Bích Hồng	25/06/1985	Nữ	01/07/2009		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế	12
21	Hà Thị Thanh Nga	03/11/1980	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
22	Nguyễn Tiến Long	02/11/1976	Nam	01/09/2004	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế đối ngoại	12
23	Nguyễn Thị Nga	18/01/1983	Nữ	01/11/2006		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
24	Nguyễn Tiên Phong	05/12/1966	Nam	01/03/2007		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Giáo dục học	12
25	Lê Mạnh Hùng	09/12/1982	Nam	26/08/2015		Đại học	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Sư phạm Tin học	12
26	Hà Thị Thanh Hoa	03/02/1980	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
27	Kiều Thị Khánh	18/03/1990	Nữ	01/07/2018		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Quản lý hoạt động & KD	12
28	Đỗ Đình Long	14/05/1976	Nam	15/08/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Kinh tế	12
29	Trần Thị Thùy Linh	28/06/1989	Nữ	01/01/2013		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
30	Trần Thị Hương	24/08/1984	Nữ	31/08/2009		Đại học	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Công nghệ thông tin	12
31	Trần Thanh Tùng	20/07/1970	Nam	01/09/2008		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Toán học	12
32	Nguyễn Thị Phương Hào	29/06/1981	Nữ	01/10/2014		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế nông nghiệp	12
33	Đào Thị Hương	27/10/1988	Nữ	01/05/2011		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
34	Đàm Phương Lan	05/11/1978	Nữ	01/08/2014		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
35	Phạm Minh Hoàng	16/05/1984	Nam	01/04/2010		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
36	Trần Thị Mai	26/08/1979	Nữ	01/09/2008		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Giải tích Toán học	12
37	Đặng Trung Kiên	05/07/1989	Nam	01/01/2022		Tiến sĩ	HDLĐ xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh và du lịch	12
38	Nguyễn Thị Kiều Yến	04/11/1986	Nữ	30/06/2016		Đại học	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Lưu trữ học	12

*King*

STT	Họ và tên	Ngày,tháng, năm sinh	Giới tính	Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng	Chức danh khoa học	Trình độ	Thời hạn hợp đồng	Mã ngành đại học	Mã ngành đại học	Thời gian quản lý, hỗ trợ chuyên trách về ĐTTX
39	Nguyễn Thị Lan Anh	11/02/1982	Nữ	01/11/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
40	Mai Thanh Giang	28/06/1985	Nữ	01/07/2009		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
41	Nguyễn Việt Dũng	07/07/1981	Nam	01/01/2016		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Tài chính - Ngân hàng	12
42	Đỗ Thị Hòa Nhã	27/02/1979	Nữ	01/10/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế nông nghiệp	12
43	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1981	Nữ	01/02/2008		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7310101	Quản trị công	12
44	Phạm Hồng Trường	14/05/1980	Nam	01/12/2013		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Toán	12
45	Bùi Thị Thanh Hương	06/08/1990	Nữ	01/07/2018		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
46	Lê Ngọc Nương	10/10/1985	Nữ	01/09/2008		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản lý kinh tế	12
47	Đặng Phi Trường	17/06/1985	Nam	01/05/2009		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản trị nhân lực	12
48	Nguyễn Thị Kim Anh	22/09/1985	Nữ	30/06/2016		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
49	Thái Thị Thái Nguyên	18/11/1981	Nam	01/02/2006		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
50	Đoàn Quang Huy	21/01/1987	Nam	31/03/2009	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế	12
51	Trần Thuỳ Linh	31/01/1983	Nữ	01/11/2006		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Luật kinh tế	12
52	Đỗ Hoàng Trung	26/07/1990	Nam	26/08/2015		Đại học	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Công nghệ thông tin	12
53	Dương Thị Thu Hằng	06/03/1985	Nữ	01/01/2013		Đại học	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Sư phạm Lịch sử	12
54	Hoàng Thị Huệ	22/06/1978	Nữ	01/07/2016		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
55	Nguyễn Thị Hồng	01/01/1981	Nữ	14/04/2007		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kinh tế	12
56	Nguyễn Quang Hợp	26/08/1979	Nam	01/10/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản lý hành chính công	12
57	Đàm Thanh Thủy	17/10/1973	Nữ	01/06/2008		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Kinh tế phát triển	12
58	Nguyễn Đức Hưng	02/06/1987	Nam	25/07/2016		Đại học	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Công nghệ thông tin	12
59	Đoàn Mạnh Hồng	08/04/1978	Nam	01/11/2005		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị công	12
60	Phạm Thị Nga	04/02/1983	Nữ	01/03/2013	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế chính trị	12
61	Bùi Nữ Hoàng Anh	30/12/1976	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế	12
62	Đình Hồng Linh	23/10/1982	Nam	01/02/2006	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Kinh tế	12
63	Nguyễn Thị Phương Thủy	25/02/1981	Nữ	01/08/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Luật kinh tế	12
64	Nguyễn Thị Kim Anh	26/07/1979	Nữ	22/11/2016		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Kinh tế nông nghiệp	12
65	Hoàng Thị Thu	10/01/1976	Nữ	01/09/2004	Phó giáo sư	Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340201	Kinh tế	12
66	Triệu Văn Huân	04/06/1988	Nam	01/11/2010		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7310101	Kinh tế đầu tư	12
67	Dương Thanh Hà	02/11/1976	Nam	01/10/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Marketing	12
68	Mai Việt Anh	24/09/1983	Nam	01/05/2007		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340115	Quản trị kinh doanh	12
69	Nguyễn Văn Thông	28/09/1976	Nam	29/10/2014		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
70	Đặng Quỳnh Trinh	29/05/1981	Nữ	01/10/2011		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán	12
71	Tạ Việt Anh	14/10/1981	Nam	18/01/2011		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Quản lý kinh doanh và vận hành	12
72	Nguyễn Hữu Thu	01/10/1979	Nam	01/01/2005		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Quản lý kinh tế	12
73	Bùi Như Hiến	18/09/1985	Nam	01/02/2008		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Quản trị kinh doanh	12
74	Trần Đức Anh	15/12/1989	Nam	22/11/2016		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340101	Toán ứng dụng	12
75	Nguyễn Thị Tuấn	06/06/1979	Nữ	01/09/2004		Tiến sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7340301	Kế toán, kiểm toán và phân tích	12
76	Nguyễn Quang Huy	08/10/1983	Nam	31/07/2008		Thạc sĩ	HDLĐ không xác định thời hạn	7380107	Luật kinh tế	12

4. Danh sách người học trúng tuyển, nhập học, tốt nghiệp các trình độ tính đến 31/12/2024 (người học): đã nhập đầy đủ trong hệ thống Hemis

*Kay*

**5. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng****5.1. Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng**

STT	Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
1	467/QĐ-KĐCL	02/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
2	117/QĐ-KĐCLGD	12/12/2017	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam

**5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng**

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
1	Kinh tế đầu tư	7310104	157/QĐ-CEA.UD	06/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
2	Kế toán	7340301	156/QĐ-CEA.UD	06/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng
3	Quản trị kinh doanh	7340101	AP926TNUSEP22	09/10/2022	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
4	Marketing	7340115	API057TNUJUN2023	22/07/2023	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	158/QĐ-CEA.UD	06/06/2023	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng

**6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học****6.1. Quyết định thành lập**

STT	Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định
1	35/QĐ-HĐĐHTN	12/08/2020	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
2	39/NQ-HĐĐHTN	06/06/2022	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
3	40/NQ-HĐĐHTN	07/06/2022	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
4	08/NQ-HĐĐHTN	10/01/2023	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
5	16/NQ-HĐĐHTN	13/03/2024	Hội đồng Đại học Thái Nguyên
6	25/NQ-HĐĐHTN	23/04/2024	Hội đồng Đại học Thái Nguyên

**6.2. Danh sách hội đồng trường**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
1	Hoàng Thị Thu	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương
2	Đỗ Thị Thúy Phương	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Phó Hiệu trưởng
3	Nguyễn Hồng Liên	Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường
4	Bùi Văn Lương	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường
5	Đình Hồng Linh	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Hiệu trưởng
6	Đoàn Mạnh Hồng	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương
7	Hoàng Thị Huệ	Tiến sĩ	Nữ	Thư ký	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương
8	Phạm Quốc Chính	Tiến sĩ	Nam	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường
9	Bùi Nữ Hoàng Anh	Tiến sĩ	Nữ	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Phó Hiệu trưởng
10	Đỗ Đình Long	Tiến sĩ	Nam	Chủ tịch	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Chủ tịch hội đồng trường
11	Phạm Thị Huế	Không có chuyên môn giảng dạy	Nữ	Ủy viên	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên)	Thành viên hội đồng trường

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QB ban hành	Ngày QB ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Ban hành quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	109/NQ-DHKT&QTKD-HĐT	24/06/2022	Hội đồng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
2	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Ban hành Quy định chế độ làm việc của nhà giáo Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	427/QĐ-DHKT&QTKD-HCTC	12/05/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
3	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ	2445/QĐ-BHTN	26/11/2020	Đại học Thái Nguyên
4	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bộ nhiệm tổng biên tập cơ quan báo chí Tập chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh PGS, TS, Hoàng Thị Thu	191/NQ-DHKT&QTKD-HĐT	26/04/2024	Hội đồng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
5	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bộ nhiệm Phó Hiệu trưởng PGS, TS, Đỗ Thị Thủy Phương	229/NQ-DHKT&QTKD-HĐT	18/10/2024	Hội đồng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
6	Khác	Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ cho Đại học Thái Nguyên	1639/QĐ-BGD&ĐT/DH&SDH	01/04/2004	Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Quy chế tài chính	Về việc thông qua phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên	133/NQ-DHKT&QTKD-HĐT	06/01/2023	Hội đồng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
8	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định về phân loại cán bộ viên chức để hưởng thu nhập tăng thêm ngoài lương	1213/QĐ-DHKT&QTKD-TTPC	21/12/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
9	Quy chế tài chính	Phê duyệt mức thu học phí các hệ đào tạo năm 2023-2024	181/NQ-DHKT&QTKD-HĐT	13/03/2024	Hội đồng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
10	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định danh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể đơn vị, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	68/QĐ-DHKT&QTKD-HCTC	19/01/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
11	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bộ nhiệm Phó Hiệu trưởng TS, Nguyễn Quang Hợp	231/NQ-DHKT&QTKD-HĐT	18/10/2024	Hội đồng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
12	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Nội quy lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	525/QĐ-DHKT&QTKD-HCTC	19/06/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
13	Khác	Quyết định về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ	2867/QĐ-BGDĐT	22/05/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo
14	Khác	Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ	909/QĐ-DHKT&QTKD-ĐT	02/08/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
15	Khác	Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thông tin chi của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	804/QĐ-DHKT&QTKD-ĐT	06/09/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
16	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Bộ nhiệm trưởng khoa Marketing, T&M&DL TS, Dương Thanh Hà	210/NQ-DHKT&QTKD-HĐT	22/07/2024	HĐT Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
17	Khác	Về việc ban hành Quy trình khảo sát và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đối với cán bộ, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	646/QĐ-DHKT&QTKD-HCTC	30/07/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
18	Quy chế tài chính	Ban hành Quy định về việc nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức và người lao động của Đại học Thái Nguyên	99/QĐ-BHTN	21/01/2022	Đại học Thái Nguyên
19	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận Hội đồng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	192/QĐ-DHKT&QTKD-HCTC	20/03/2019	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
20	Khác	Quyết định mở chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	4282/QĐ-BGDĐT	25/06/2009	Bộ Giáo dục và Đào tạo
21	Khác	Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ	510/SBH	30/01/2002	Bộ Giáo dục và Đào tạo
22	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định danh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể đơn vị, viên chức và người lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	626/QĐ-DHKT&QTKD-HCTC	30/05/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
23	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập nội nghệp hệ đại học chính quy - chương trình chất lượng cao	879/QĐ-DHKT&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

*my*

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
24	Danh mục vị trí việc làm	Danh mục vị trí việc làm	201/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT	24/06/2022	Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
25	Kế hoạch phát triển	Chiến lược phát triển trường ĐHK&QTKD	18/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
26	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	35/QĐ-HĐĐH ĐHTN	12/08/2020	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên
27	Khác	Sứ mạng, tầm nhìn triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của Trường ĐHK&QTKD	226/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	04/10/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
28	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy - chương trình chất lượng cao	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
29	Danh mục vị trí việc làm	Danh mục vị trí việc làm	201/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	22/05/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
30	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	691/QĐ-ĐHK&QTKD-KT&ĐBCLGD	08/06/2022	Trường ĐHK& QTKD
31	Kế hoạch phát triển	Chiến lược phát triển trường ĐHK&QTKD giai đoạn 2020-2025	18/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
32	Khác	Quyết định chuyển đổi tên và mã số ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	2570/QĐ-ĐHTN	28/11/2017	Đại học Thái Nguyên
33	Quy chế dân chủ	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường ĐHK&QTKD	38/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	12/07/2021	Trường ĐHK&QTKD
34	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy - chương trình chất lượng cao	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
35	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ	5000/QĐ-BTBGDĐT	25/10/2013	Bộ Giáo dục và Đào tạo
36	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy - chương trình chất lượng cao	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
37	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Nghị quyết bổ nhiệm Kế toán trưởng	185/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	21/03/2024	Hội đồng trường Trường ĐHK&QTKD
38	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy - chương trình chất lượng cao	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
39	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy - chương trình chất lượng cao	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
40	Danh mục vị trí việc làm	Đề án vị trí việc làm	208/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT	21/06/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
41	Chiến lược phát triển		18	05/03/2021	Trường ĐHK&QTKD
42	Khác	Quyết định ban hành Quy định quản lý người học sau đại học của Trường Đại học Kinh tế & QTKD	521/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	11/05/2022	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
43	Khác	Quy trình thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
44	Danh mục vị trí việc làm	Phê duyệt cơ cấu lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Nghị quyết 20/NQ-ĐHT&QTKD-HĐT	22/05/2024	Hội đồng Trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
45	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ	3172/QĐ-BGDĐT	04/08/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo
46	Khác	Quyết định về việc ban hành Bộ quy trình quản lý đào tạo hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
47	Khác	Quyết định ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên	1893/QĐ-ĐHTN	25/10/2021	Đại học Thái Nguyên

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
48	Khác	Quyết định về việc cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ	2123/QĐ-ĐHTN	10/10/2018	Đại học Thái Nguyên
49	Chiến lược phát triển	Ban hành Kế hoạch, chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh giai đoạn 2021-2025	751/QĐ-ĐHKT&QTKD-HCTC	20/08/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
50	Khác	Quy trình thanh toán khối lượng giảng dạy hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
51	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Quy định tuyển dụng lao động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh	221/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT	27/08/2024	Hội đồng trường Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
52	Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng	Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục	1460/QĐ-ĐHKT&QTKD-KT*ĐBCLGD	28/12/2018	Trường ĐHK&QTKD
53	Quy chế tài chính	Về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp	2466/QĐ-BGDĐT	27/08/2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo
54	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Ban hành Quy định tuyển dụng viên chức của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	1040/QĐ-ĐHKT&QTKD-HCTC	29/10/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
55	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	40-NG-HĐĐHTN	07/06/2022	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên
56	Khác	Quy trình rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
57	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc công nhận bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, nhiệm kỳ 2020-2025	39/NQ-HĐĐHTN	07/06/2022	Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên
58	Quy định về công tác cán bộ, nhân sự	Về việc ban hành Quy định về giảng viên thỉnh giảng, giảng viên kiêm nhiệm của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên	204/QĐ-ĐHKT&QTKD-HCTC	18/03/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
59	Khác	Quy trình xây dựng thời khóa biểu và đăng ký học hệ đại học chính quy	879/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT	29/09/2020	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
60	Quy chế tổ chức và hoạt động	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên	27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT	29/04/2021	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

#### 8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
<b>1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>150</b>	<b>175</b>	<b>11</b>	<b>100</b>
1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	150	175	11	100
<b>2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>550</b>	<b>179</b>	<b>75</b>	<b>89</b>
2.1	Luật kinh tế	7380107	550	179	75	89
<b>3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>230</b>	<b>148</b>	<b>40</b>	<b>99</b>
3.1	Kinh tế	7310101	100	76	9	100
3.2	Kinh tế đầu tư	7310104	80	53	26	96
3.3	Kinh tế phát triển	7310105	50	19	5	100
<b>4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>1620</b>	<b>1296</b>	<b>661</b>	<b>97</b>
4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	330	275	163	97
4.2	Marketing	7340115	250	286	42	92
4.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	80	23	0	-

*Handwritten signature*

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)
4.4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	230	203	99	98
4.5	Kế toán	7340301	600	340	354	96
4.6	Quản lý công	7340403	80	9	3	100
4.7	Quản trị nhân lực	7340404	50	160	0	-
5	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>100</b>	<b>101</b>	<b>33</b>	<b>93</b>
5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	100	101	33	93
	<b>Tổng</b>		<b>2650</b>	<b>1899</b>	<b>820</b>	<b>96</b>

*Piang*

**PHỤ LỤC III**  
**CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2025**  
*(Kèm theo Công văn số: 6.000/ĐHK&QTKD-ĐT ngày 28/4/2025)*

**I. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2024 (người học)**

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>			<b>733</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>			<b>33</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>			<b>33</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>962</b>		<b>3</b>
1.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3
<b>1.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>931</b>		<b>28</b>
1.1.2.1	Quản lý kinh tế	9310110	Khoa học xã hội và hành vi	28
<b>1.1.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>934</b>		<b>2</b>
1.1.3.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh và quản lý	2
<b>1.2</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>			<b>700</b>
<b>2.1</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>			<b>700</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>862</b>		<b>1</b>
2.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1
<b>2.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>831</b>		<b>571</b>
<b>2.1.2.1</b>	<b>Kinh tế phát triển</b>	<b>8310105</b>		<b>10</b>
2.1.2.1	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học xã hội và hành vi	561
<b>2.1.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>834</b>		<b>128</b>
<b>2.1.3.1</b>	<b>Quản trị kinh doanh</b>	<b>8340101</b>		<b>88</b>
2.1.3.1	Kế toán	8340301	Kinh doanh và quản lý	40
<b>2.2</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>			<b>7529</b>
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>			<b>7170</b>
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>			<b>6665</b>
<b>3.1.1</b>	<b>Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học</b>			
<b>3.1.2</b>	<b>Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)</b>			<b>6665</b>
<b>3.1.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>399</b>
3.1.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	399
<b>3.1.2.2</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>		<b>0</b>
3.1.2.2.1	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán và thống kê	0
<b>3.1.2.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>475</b>
3.1.2.3.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	475
<b>3.1.2.4</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>548</b>
3.1.2.4.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	199
3.1.2.4.2	Kinh tế đầu tư	7310104	Khoa học xã hội và hành vi	272
3.1.2.4.3	Kinh tế phát triển	7310105	Khoa học xã hội và hành vi	77
<b>3.1.2.5</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>4961</b>
3.1.2.5.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	1281
3.1.2.5.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	889
3.1.2.5.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	98
3.1.2.5.4	Thương mại điện tử	7340122	Kinh doanh và quản lý	0
<b>3.1.2.5.5</b>	<b>Tài chính - Ngân hàng</b>	<b>7340201</b>		<b>666</b>
3.1.2.5.6	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	1698
<b>3.1.2.5.7</b>	<b>Quản lý công</b>	<b>7340403</b>		<b>169</b>
3.1.2.5.8	Quản trị nhân lực	7340404	Kinh doanh và quản lý	160
<b>3.1.2.6</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>282</b>
3.1.2.6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	282
<b>3.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>			<b>93</b>
<b>3.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
3.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	0
<b>3.2.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>53</b>
3.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	53
<b>3.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
3.2.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
<b>3.2.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>40</b>
3.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	1
3.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
3.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	3
3.2.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	36
3.2.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	0
<b>3.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
3.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
<b>3.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>			<b>198</b>
<b>3.3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
3.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	0
<b>3.3.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>55</b>
3.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	55
<b>3.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
3.3.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	0
<b>3.3.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>142</b>
3.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	16
3.3.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
3.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	9
<b>3.3.4.4</b>	<b>Kế toán</b>	<b>7340301</b>		<b>117</b>
3.3.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	0
<b>3.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>1</b>
3.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	1
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>			<b>214</b>
<b>3.4.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	0
<b>3.4.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>109</b>
3.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	109
<b>3.4.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
3.4.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	0
<b>3.4.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>105</b>
3.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	23
3.4.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
3.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	15
<b>3.4.4.4</b>	<b>Kế toán</b>	<b>7340301</b>		<b>67</b>
3.4.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	0
<b>3.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
3.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
<b>3.5</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>			<b>359</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>			<b>33</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
4.1.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	0
<b>4.1.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>20</b>
4.1.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	20
<b>4.1.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>1</b>
4.1.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	1
<b>4.1.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>12</b>
4.1.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	0
4.1.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
4.1.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
<b>4.1.4.4</b>	<b>Kế toán</b>	<b>7340301</b>		<b>5</b>
4.1.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	7
<b>4.1.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
4.1.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
<b>4.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>			<b>116</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
4.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	0
<b>4.2.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>85</b>
4.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	85
<b>4.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
4.2.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	0
4.2.4	Kinh doanh và quản lý	734		31
4.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	0
4.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
4.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
<b>4.2.4.4</b>	<b>Kế toán</b>	<b>7340301</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>29</b>
4.2.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	2
<b>4.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
4.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
<b>4.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>			<b>102</b>
<b>4.3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
4.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	0
<b>4.3.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>44</b>
4.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	44
<b>4.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
4.3.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	0
4.3.4	Kinh doanh và quản lý	734		58
4.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	0
4.3.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
4.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
<b>4.3.4.4</b>	<b>Kế toán</b>	<b>7340301</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>53</b>
4.3.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	5
<b>4.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
4.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
<b>4.4</b>	<b>Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>			<b>108</b>
<b>4.4.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>		<b>0</b>
4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	0
<b>4.4.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>92</b>
4.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	92
<b>4.4.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
4.4.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	0
4.4.4	Kinh doanh và quản lý	734		16
4.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	0
4.4.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
4.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
<b>4.4.4.4</b>	<b>Kế toán</b>	<b>7340301</b>	Kinh doanh và quản lý	<b>16</b>
4.4.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	0
<b>4.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>		<b>0</b>
4.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	0
<b>5</b>	<b>Từ xa</b>			<b>0</b>
<b>5.1</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>		<b>0</b>
5.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	0
<b>5.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>		<b>0</b>
5.2.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	0
<b>5.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>		<b>0</b>
5.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	0
5.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	0
5.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	0
5.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	0

*Ray*

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2025 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
<b>A</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>				<b>359</b>
<b>1</b>	<b>Tiến sĩ</b>				<b>10</b>
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ chính quy</b>				<b>10</b>
<b>1.1.1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>962</b>			<b>1</b>
1.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3	1
<b>1.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>931</b>			<b>9</b>
1.1.2.1	Quản lý kinh tế	9310110	Khoa học xã hội và hành vi	3	9
<b>1.1.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>934</b>			<b>0</b>
1.1.3.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh và quản lý	3	0
<b>1.2</b>	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>				
<b>2</b>	<b>Thạc sĩ</b>				<b>349</b>
<b>2.1</b>	<b>Thạc sĩ chính quy</b>				<b>349</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>862</b>			<b>0</b>
2.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2	0
<b>2.1.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>831</b>			<b>285</b>
2.1.2.1	Kinh tế phát triển	8310105	Khoa học xã hội và hành vi	2	5
2.1.2.2	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học xã hội và hành vi	2	280
<b>2.1.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>834</b>			<b>64</b>
2.1.3.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh và quản lý	2	44
2.1.3.2	Kế toán	8340301	Kinh doanh và quản lý	2	20
<b>2.2</b>	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>				
<b>B</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>				<b>2041</b>
<b>3</b>	<b>Đại học chính quy</b>				<b>1893</b>
<b>3.1</b>	<b>Chính quy</b>				<b>1661</b>
<b>3.1.1</b>	<b>Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học</b>				
<b>3.1.2</b>	<b>Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)</b>				<b>1661</b>
<b>3.1.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>99</b>
3.1.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	4	99
<b>3.1.2.2</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>			<b>0</b>
3.1.2.2.1	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán và thống kê	4	0
<b>3.1.2.3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>118</b>
3.1.2.3.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	4	118
<b>3.1.2.4</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>136</b>
3.1.2.4.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	4	49
3.1.2.4.2	Kinh tế đầu tư	7310104	Khoa học xã hội và hành vi	4	68
3.1.2.4.3	Kinh tế phát triển	7310105	Khoa học xã hội và hành vi	4	19
<b>3.1.2.5</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>1238</b>
3.1.2.5.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	4	320
3.1.2.5.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	4	222
3.1.2.5.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	4	24
3.1.2.5.4	Thương mại điện tử	7340122	Kinh doanh và quản lý	4	0
3.1.2.5.5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	4	166
3.1.2.5.6	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	4	424
3.1.2.5.7	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	4	42
3.1.2.5.8	Quản trị nhân lực	7340404	Kinh doanh và quản lý	4	40
<b>3.1.2.6</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>70</b>
3.1.2.6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	4	70
<b>3.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>				<b>30</b>
<b>3.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
3.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	3	0
<b>3.2.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>17</b>
3.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	3	17
<b>3.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
3.2.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	3	0

*Bong*

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
<b>3.2.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>13</b>
3.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	3	0
3.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	3	0
3.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	3	1
3.2.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	3	12
3.2.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	3	0
<b>3.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
3.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	3	0
<b>3.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>				<b>97</b>
<b>3.3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
3.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	2	0
<b>3.3.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>27</b>
3.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	2	27
<b>3.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
3.3.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	2	0
<b>3.3.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>70</b>
3.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	2	8
3.3.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	2	0
3.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	2	4
3.3.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	2	58
3.3.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	2	0
<b>3.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
3.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	2	0
<b>3.4</b>	<b>Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>				<b>105</b>
<b>3.4.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	2	0
<b>3.4.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>54</b>
3.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	2	54
<b>3.4.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
3.4.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	2	0
<b>3.4.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>51</b>
3.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	2	11
3.4.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	2	0
3.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	2	7
3.4.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	2	33
3.4.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	2	0
<b>3.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
3.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	2	0
<b>3.5</b>	<b>Liên kết đào tạo với nước ngoài</b>				
<b>4</b>	<b>Đại học vừa làm vừa học</b>				<b>148</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>				<b>7</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
4.1.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	4	0
<b>4.1.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>5</b>
4.1.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	4	5
<b>4.1.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
4.1.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	4	0
<b>4.1.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>2</b>
4.1.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	4	0
4.1.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	4	0
4.1.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	4	0
4.1.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	4	1
4.1.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	4	1
<b>4.1.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
4.1.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	4	0

*Phạm*

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
<b>4.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>				<b>37</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
4.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	3	0
<b>4.2.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>28</b>
4.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	3	28
<b>4.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
4.2.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	3	0
<b>4.2.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>9</b>
4.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	3	0
4.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	3	0
4.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	3	0
4.2.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	3	9
4.2.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	3	0
<b>4.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
4.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	3	0
<b>4.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>				<b>50</b>
<b>4.3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
4.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	2	0
<b>4.3.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>22</b>
4.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	2	22
<b>4.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
4.3.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	2	0
<b>4.3.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>28</b>
4.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	2	0
4.3.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	2	0
4.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	2	0
4.3.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	2	26
4.3.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	2	2
<b>4.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
4.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	2	0
<b>4.4</b>	<b>Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>				<b>54</b>
<b>4.4.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>
4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	2	0
<b>4.4.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>46</b>
4.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	2	46
<b>4.4.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
4.4.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	2	0
<b>4.4.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>8</b>
4.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	2	0
4.4.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	2	0
4.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	2	0
4.4.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	2	8
4.4.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	2	0
<b>4.4.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>
4.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	2	0
<b>5</b>	<b>Từ xa</b>				<b>0</b>
<b>5.1</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>
5.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	4	0
<b>5.2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>
5.2.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	4	0
<b>5.3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>
5.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	4	0
5.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	4	0
5.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	4	0
5.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	4	0

*Đang*

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực tính đến 31/12/2024

3.1. Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
<b>I</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ</b>								
<b>1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>962</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>12</b>			<b>14</b>	<b>46</b>
1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	0	2	12			14	46
<b>2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>931</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>44</b>			<b>47</b>	<b>147</b>
2.1	Quản lý kinh tế	9310110	0	3	44			47	147
<b>3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>934</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>28</b>			<b>31</b>	<b>99</b>
3.1	Quản trị kinh doanh	9340101	0	3	28			31	99
	<b>Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ</b>		<b>0</b>	<b>8</b>	<b>84</b>			<b>92</b>	<b>292</b>
<b>II</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ</b>								
<b>1</b>	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>862</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>6</b>			<b>7</b>	<b>35</b>
1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	0	1	6			7	35
<b>2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>831</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>50</b>			<b>54</b>	<b>270</b>
<b>2.1</b>	<b>Kinh tế phát triển</b>	<b>8310105</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>6</b>			<b>7</b>	<b>35</b>
2.2	Quản lý kinh tế	8310110	0	3	44			47	235
<b>3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>834</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>39</b>			<b>42</b>	<b>210</b>
<b>3.1</b>	<b>Kế toán</b>	<b>8340301</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>10</b>			<b>11</b>	<b>55</b>
3.2	Quản trị kinh doanh	8340101	0	2	29			31	155
	<b>Tổng cộng giảng dạy thạc sĩ</b>		<b>0</b>	<b>8</b>	<b>95</b>			<b>103</b>	<b>515</b>
<b>III</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP</b>								
<b>1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>26.3</b>
1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	0	2	8	7	0	17	26.3
<b>2</b>	<b>Toán và thống kê</b>	<b>746</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>13.25</b>
2.1	Khoa học dữ liệu	7460108	0	0	7	10	0	17	13.25
<b>3</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>13</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>45.7</b>
3.1	Luật kinh tế	7380107	0	1	13	22	0	36	45.7
<b>4</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>17</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>21</b>	<b>27.4</b>
4.1	Kinh tế	7310101	0	1	4	0	0	5	10.2
4.2	Kinh tế phát triển	7310105	0	0	6	0	0	6	4.3
4.3	Kinh tế đầu tư	7310104	0	1	7	2	0	10	12.9
<b>5</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>98</b>	<b>97</b>	<b>0</b>	<b>202</b>	<b>249.85</b>
5.1	Quản trị nhân lực	7340404	0	0	7	2	0	9	12.8
5.2	Quản lý công	7340403	0	0	5	0	0	5	7.1
5.3	Thương mại điện tử	7340122	0	0	12	2	0	14	13.3
5.4	Kinh doanh quốc tế	7340120	0	1	5	1	0	7	5.4
5.5	Kế toán	7340301	0	2	27	32	0	61	84.7
5.6	Marketing	7340115	0	0	14	20	0	34	39.95
5.7	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	1	11	9	0	21	29.85
5.8	Quản trị kinh doanh	7340101	0	3	17	31	0	51	56.75
<b>6</b>	<b>Du lịch, Khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>8</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>15.5</b>
6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	0	1	8	2	0	11	15.5
	<b>Tổng số giảng viên giảng dạy ĐH, CĐSP</b>		<b>0</b>	<b>13</b>	<b>151</b>	<b>140</b>	<b>0</b>	<b>304</b>	<b>378</b>
<b>IV</b>	<b>Giảng viên toàn thời gian tham gia Đ</b>								
<b>1</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	<b>67</b>
1.1	Luật kinh tế	7380107	0	0	22	23	0	45	67
<b>2</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>11</b>	<b>23</b>
2.1	Kinh tế	7310101	0	2	8	1	0	11	23
<b>3</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>87</b>	<b>96</b>	<b>0</b>	<b>189</b>	<b>288</b>
3.1	Kế toán	7340301	0	1	29	30	0	60	91
3.2	Marketing	7340115	0	0	15	23	0	38	53
3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	0	1	16	7	0	24	42
3.4	Quản trị kinh doanh	7340101	0	4	27	36	0	67	102
	<b>Tổng số giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy ĐTTX trình độ ĐH</b>		<b>0</b>	<b>8</b>	<b>117</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>245</b>	<b>378</b>

3.2. Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người): Không có giảng viên thỉnh giảng

*Ray*

**4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa:**

Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ	Tổng thời gian quản lý, hỗ trợ (theo tháng)	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ quy đổi
0	6	55	9	6	76	912	75.7

**5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2024**

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	61	13307
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	4173
1.2	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	32	2646
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	17	1238
1.4	Số phòng dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	2	5250
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	10243
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	10	35722
	<b>TỔNG</b>	73	59272

*Phung*

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU CHÍNH QUY SO SÁNH CƠ SỞ VẬT CHẤT (3 + 6)</b>			<b>15892</b>	<b>0</b>	<b>3395</b>
A	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>			<b>784</b>	<b>0</b>	<b>456</b>
1	<b>Tiến sĩ</b>			<b>269</b>	<b>0</b>	<b>26</b>
1.1	<b>Tiến sĩ chính quy</b>			<b>269</b>	<b>0</b>	<b>26</b>
1.1.1	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>			<b>44</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
1.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	9620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	44		3
1.1.2	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>			<b>128</b>	<b>0</b>	<b>13</b>
1.1.2.1	Quản lý kinh tế	9310110	Khoa học xã hội và hành vi	128		13
1.1.3	<b>Kinh doanh và quản lý</b>			<b>97</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1.1.3.1	Quản trị kinh doanh	9340101	Kinh doanh và quản lý	97		10
1.2	<b>Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>				<b>0</b>	<b>0</b>
2	<b>Thạc sĩ</b>			<b>515</b>	<b>0</b>	<b>430</b>
2.1	<b>Thạc sĩ chính quy</b>			<b>515</b>	<b>0</b>	<b>430</b>
2.1.1	<b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>			<b>35</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
2.1.1.1	Kinh tế nông nghiệp	8620115	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	35		10
2.1.2	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>			<b>270</b>	<b>0</b>	<b>240</b>
2.1.2.1	Kinh tế phát triển	8310105	Khoa học xã hội và hành vi	35		20
2.1.2.2	Quản lý kinh tế	8310110	Khoa học xã hội và hành vi	235		220
2.1.3	<b>Kinh doanh và quản lý</b>			<b>210</b>	<b>0</b>	<b>180</b>
2.1.3.1	Quản trị kinh doanh	8340101	Kinh doanh và quản lý	155		150
2.1.3.2	Kế toán	8340301	Kinh doanh và quản lý	55		30
2.2	<b>Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
B	<b>ĐẠI HỌC</b>			<b>14073</b>	<b>0</b>	<b>5918</b>
3	<b>Đại học chính quy</b>			<b>3556</b>	<b>0</b>	<b>3395</b>
3.1	<b>Chính quy</b>			<b>3556</b>	<b>0</b>	<b>3100</b>
3.1.1	<b>Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.1.2	<b>Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)</b>			<b>3556</b>	<b>0</b>	<b>3100</b>
3.1.2.1	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>			<b>226</b>	<b>0</b>	<b>200</b>
3.1.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật	226		200
3.1.2.2	<b>Toán và thống kê</b>			<b>80</b>	<b>0</b>	<b>50</b>
3.1.2.2.1	Khoa học dữ liệu	7460108	Toán và thống kê	80		50
3.1.2.3	<b>Pháp luật</b>			<b>666</b>	<b>0</b>	<b>550</b>
3.1.2.3.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	666		550
3.1.2.4	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>			<b>273</b>	<b>0</b>	<b>260</b>
3.1.2.4.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	105		100
3.1.2.4.2	Kinh tế đầu tư	7310104	Khoa học xã hội và hành vi	118		110
3.1.2.4.3	Kinh tế phát triển	7310105	Khoa học xã hội và hành vi	50		50
3.1.2.5	<b>Kinh doanh và quản lý</b>			<b>2137</b>	<b>0</b>	<b>1890</b>
3.1.2.5.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	437		380
3.1.2.5.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	332		330
3.1.2.5.3	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh và quản lý	61		60
3.1.2.5.4	Thương mại điện tử	7340122	Kinh doanh và quản lý	100		100
3.1.2.5.5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	231		220
3.1.2.5.6	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	726		600
3.1.2.5.7	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý	50		50
3.1.2.5.8	Quản trị nhân lực	7340404	Kinh doanh và quản lý	200		150
3.1.2.6	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>			<b>174</b>	<b>0</b>	<b>150</b>
3.1.2.6.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	174		150

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (3.1 VỚI 3.2 + 3.3)</b>			<b>711</b>		<b>165</b>
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học					<b>75</b>
3.2.1	Công nghệ kỹ thuật	751			<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật			0
3.2.2	Pháp luật	738			<b>0</b>	<b>20</b>
3.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật			20
3.2.3	Khoa học xã hội và hành vi	731			<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi			0
3.2.4	Kinh doanh và quản lý	734			<b>0</b>	<b>55</b>
3.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý			15
3.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý			0
3.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý			0
3.2.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý			40
3.2.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý			0
3.2.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			<b>0</b>	<b>0</b>
3.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học					<b>90</b>
3.3.1	Công nghệ kỹ thuật	751			<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật			0
3.3.2	Pháp luật	738			<b>0</b>	<b>30</b>
3.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật			30
3.3.3	Khoa học xã hội và hành vi	731			<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi			0
3.3.4	Kinh doanh và quản lý	734			<b>0</b>	<b>60</b>
3.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý			20
3.3.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý			0
3.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý			0
3.3.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý			40
3.3.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý			0
3.3.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			<b>0</b>	<b>0</b>
3.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
3.4	<b>Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên</b>					<b>130</b>
3.4.1	Công nghệ kỹ thuật	751			<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật			0
3.4.2	Pháp luật	738			<b>0</b>	<b>60</b>
3.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật			60
3.4.3	Khoa học xã hội và hành vi	731			<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi			0
3.4.4	Kinh doanh và quản lý	734			<b>0</b>	<b>70</b>
3.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý			20
3.4.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý			0
3.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý			10
3.4.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý			40
3.4.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý			0
3.4.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			<b>0</b>	<b>0</b>
3.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			0
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
4	Đại học vừa làm vừa học			<b>1067</b>		<b>523</b>
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) &lt;br/&gt; - Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật</b>			<b>68</b>		<b>33</b>
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1) &lt;br/&gt; - Lĩnh vực Toán và thống kê</b>			<b>24</b>		<b>0</b>

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)</b>   - Lĩnh vực Pháp luật			<b>200</b>		<b>129</b>
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)</b>   - Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi			<b>82</b>		<b>31</b>
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)</b>   - Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý			<b>641</b>		<b>297</b>
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU VHVL SO SÁNH VỚI CHÍNH QUY (4.1+4.2+4.3+4.4 VỚI 3.1)</b>   - Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			<b>52</b>		<b>33</b>
<b>4.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>					<b>121</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>	<b>6</b>
4.1.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật			6
<b>4.1.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>30</b>
4.1.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật			30
<b>4.1.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>12</b>
4.1.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi			12
<b>4.1.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>61</b>
4.1.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý			10
4.1.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý			5
4.1.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý			10
4.1.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý			30
4.1.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý			6
<b>4.1.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>	<b>12</b>
4.1.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			12
<b>4.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học</b>					<b>72</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>	<b>6</b>
4.2.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật			6
<b>4.2.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>20</b>
4.2.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật			20
<b>4.2.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>4</b>
4.2.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi			4
<b>4.2.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>37</b>
4.2.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý			10
4.2.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý			10
4.2.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý			6
4.2.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý			10
4.2.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý			1
<b>4.2.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>	<b>5</b>
4.2.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			5
<b>4.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học</b>					<b>81</b>
<b>4.3.1</b>	<b>Công nghệ kỹ thuật</b>	<b>751</b>			<b>0</b>	<b>6</b>
4.3.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật			6
<b>4.3.2</b>	<b>Pháp luật</b>	<b>738</b>			<b>0</b>	<b>13</b>
4.3.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật			13
<b>4.3.3</b>	<b>Khoa học xã hội và hành vi</b>	<b>731</b>			<b>0</b>	<b>3</b>
4.3.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi			3
<b>4.3.4</b>	<b>Kinh doanh và quản lý</b>	<b>734</b>			<b>0</b>	<b>55</b>
4.3.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý			11
4.3.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý			9
4.3.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý			7
4.3.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý			26
4.3.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý			2
<b>4.3.5</b>	<b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>	<b>781</b>			<b>0</b>	<b>4</b>
4.3.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			4

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Năng lực	Bị phạt	Chỉ tiêu đăng ký
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên					249
4.4.1	Công nghệ kỹ thuật	751			0	15
4.4.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Công nghệ kỹ thuật			15
4.4.2	Pháp luật	738			0	66
4.4.2.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật			66
4.4.3	Khoa học xã hội và hành vi	731			0	12
4.4.3.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi			12
4.4.4	Kinh doanh và quản lý	734			0	144
4.4.4.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý			30
4.4.4.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý			10
4.4.4.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý			26
4.4.4.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý			72
4.4.4.5	Quản lý công	7340403	Kinh doanh và quản lý			6
4.4.5	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	781			0	12
4.4.5.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân			12
*	<b>TỔNG CHỈ TIÊU TỪ XA SO SÁNH VỚI CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH VỀ ĐÀO TẠO TỪ XA</b>			<b>15140</b>	<b>0</b>	<b>2000</b>
5	Từ xa			9450	0	2000
5.1	Pháp luật	738		1675	0	550
5.1.1	Luật kinh tế	7380107	Pháp luật	1675	0	550
5.2	Khoa học xã hội và hành vi	731		575	0	100
5.2.1	Kinh tế	7310101	Khoa học xã hội và hành vi	575	0	100
5.3	Kinh doanh và quản lý	734		7200	0	1350
5.3.1	Quản trị kinh doanh	7340101	Kinh doanh và quản lý	2550	0	350
5.3.2	Marketing	7340115	Kinh doanh và quản lý	1325	0	300
5.3.3	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Kinh doanh và quản lý	1050	0	200
5.3.4	Kế toán	7340301	Kinh doanh và quản lý	2275	0	500

*Quy*  
\* U.V.